SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5700486105 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/03/2004, cấp thay đổi lần 11 ngày 08/09/2017)

VIGLACERA

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:...../SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày..... tháng.....năm 2021)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

VIGLACERA

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU
Địa chỉ: Phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: (84) 203 3671 011
Fax: (84) 203 3670 067
Website: Viglaceradtc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Fpt Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: 19006446 Fax: 024 3777 9058
Website: fpts.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Trần Thành

Số điện thoại: (84) 203 3671 011

Chức vụ: Giám đốc Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5700486105 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/03/2004, cấp thay đổi lần 11 ngày 08/09/2017)

Địa chỉ: Phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (84) 203.3671 011 Fax: (84) 203.3670 067

Website: Viglaceradtc.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	**Cổ phiếu Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều**
Loại cổ phiếu:	**Cổ phiếu phổ thông**
Mã cổ phiếu:	**DTC**
Mệnh giá:	**10.000 đồng/cổ phiếu**
Tổng số lượng niêm yết:	**10.000.000 cổ phiếu**
Tổng giá trị niêm yết:	**100.000.000.000 đồng**

❖ **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân - P. Bưởi - Q. Tây Hồ - TP. Hà Nội.

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 024.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 028 6291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 3, 4 Toà nhà Tràng Tiền, số 130 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 0236 3553 888

❖ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84) 24 3824 1990 Fax: (84) 24 3825 3973

Website: aasc.com.vn.

MỤC LỤC

MỤC LỤC 3
MỤC LỤC HÌNH MINH HỌA 6
MỤC LỤC BẢNG BIỂU 6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7
1. Rủi ro về kinh tế: 7
1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế 7
1.2. Rủi ro lạm phát 8
1.3. Rủi ro lãi suất 9
2. Rủi ro về luật pháp: 10
3. Rủi ro đặc thù: 11
3.1. Rủi ro thị trường tiêu thụ sản phẩm 11
3.2. Rủi ro cạnh tranh 11
3.3. Rủi ro biến động giá nguyên liệu và nhiên liệu 12
3.4. Rủi ro tín dụng 12
3.5. Rủi ro thanh khoản 13
3.6. Rủi ro về quản lý nguồn nhân lực 13
4. Rủi ro khác: 13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 13
1. Tổ chức niêm yết 13
2. Tổ chức tư vấn 14
III. CÁC KHÁI NIỆM 14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: 15
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết 15
1.2. Quá trình hình thành, phát triển 16
1.3. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ 18
2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 21
2.1. Đại Hội đồng cổ đông 22
2.2. Hội đồng quản trị 22
2.3. Ban kiểm soát 22
2.4. Giám đốc 22
2.5. Các phòng ban chức năng 22
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông 24
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty 24
3.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty 24

3.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty 24
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, nhưng công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 25
5. Hoạt động kinh doanh 25
5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 25
5.2. Nguyên vật liệu 31
5.3. Chi phí sản xuất 33
5.4. Trình độ công nghệ 34
5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 40
5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ 40
5.7. Hoạt động Marketing 41
5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 41
5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 42
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 42
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2019, 2020 và 06 tháng đầu năm 2021 42
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo 44
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 45
7.1. Vị thế của công ty trong ngành 45
7.2. Triển vọng phát triển của ngành 46
7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành 47
7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới 47
8. Chính sách đối với người lao động 49
9. Chính sách cổ tức 50
10. Tình hình hoạt động tài chính 51
10.1. Các chỉ tiêu cơ bản 51
10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 59
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 59
11.1. Hội đồng quản trị 59
11.2. Ban Kiểm soát 67
11.3. Ban giám đốc 71
11.4. Kế toán trưởng 73
12. Tài sản 74
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo 76
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 78

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 78

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết 79

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 79

1. Loại chứng khoán 79

2. Mệnh giá 79

4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 79

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành 79

6. Phương pháp tính giá 81

6.1. Giá trị sổ sách cổ phiếu 81

6.2. Phương pháp tính giá 81

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 82

8. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết) 82

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 84

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN 84

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN 84

VII. PHỤ LỤC 85

VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 86

MỤC LỤC HÌNH MINH HỌA

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm và dự kiến 2021 7
Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm 9
Hình 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty 21
Hình 4. Sơ đồ công nghệ 35

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Lãi suất huy động cho KHDN của một số ngân hàng đầu năm 2021 9
Bảng 2. Một số đối thủ cạnh tranh chính theo sản phẩm 11
Bảng 3. Danh mục một số ngành nghề kinh doanh chính của Công ty 16
Bảng 4. Giới thiệu quá trình tăng vốn của Công ty 19
Bảng 5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty 24
Bảng 6. Cơ cấu cổ đông công ty tại ngày 21/07/2021 24
Bảng 7. Sản phẩm Gạch Tuynel 25
Bảng 8. Sản phẩm ngói lợp và ngói trang trí 26
Bảng 9. Sản lượng sản xuất tại các đơn vị trong năm 2019 và 2020 27
Bảng 10. Cơ cấu doanh thu qua các năm 29
Bảng 11. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm qua các năm 30
Bảng 12. Cơ cấu chi phí qua các năm 33
Bảng 13. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết 42
Bảng 14. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty 42
Bảng 15. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành 47
Bảng 16. Cơ cấu lao động trong Công ty tại ngày 31/08/2021 49
Bảng 17. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty 50
Bảng 18. Thời gian khấu hao TSCĐ 51
Bảng 19. Mức lương bình quân của người lao động 51
Bảng 20. Các khoản phải nộp theo luật định 52
Bảng 21. Trích lập các quỹ theo luật định 53
Bảng 22. Các khoản vay của Công ty 53
Bảng 23. Chi tiết các khoản vay của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 53
Bảng 24. Một số khoản vay dài hạn với cá nhân của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 55
Bảng 25. Các khoản phải thu 56
Bảng 26. Các khoản nợ xấu của Công ty 56
Bảng 27. Các khoản nợ phải trả 57
Bảng 28. Hàng tồn kho 58
Bảng 29. Các khoản đầu tư tài chính 58
Bảng 30. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 59
Bảng 31. Danh sách Thành viên HĐQT Công ty 59
Bảng 32. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát 67
Bảng 33. Danh sách thành viên Ban Giám đốc 71
Bảng 34. Tình hình tài sản của công ty tại thời điểm 31/12/2020 74
Bảng 35. Tình hình tài sản công ty tại thời điểm 30/06/2021 75
Bảng 36. Tài sản dở dang dài hạn 76
Bảng 37. Một số chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2021 và 2022 76
Bảng 38. Kế hoạch đầu tư năm 2021 76
Bảng 39. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 so với kế hoạch 2021 77
Bảng 40. Danh sách hạn chế chuyển nhượng 79
Bảng 41. Giá trị sổ sách cổ phiếu qua các năm 81

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế:

1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng của mỗi doanh nghiệp sẽ phụ thuộc rất lớn vào tình hình tăng trưởng kinh tế vĩ mô. Nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn thập kỷ 2011 – 2020 đã chứng kiến những khởi sắc mạnh mẽ nhờ vào nội lực mạnh về tài nguyên, vị trí địa kinh tế và chính trị cũng như nâng cao năng lực quản lý, lao động, sản xuất. Bên cạnh đó, những quyết sách, chủ trương của Đảng và Chính phủ từ chính sách tài khóa đến chính sách tiền tệ đều có sự linh hoạt với biến động cụ thể trong từng giai đoạn để giúp nền kinh tế giữ vững đà tăng trưởng và tạo tiền đề cho các thành phần kinh tế phát triển cũng như mở rộng thương mại ra các khu vực quốc tế.

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm và dự kiến 2021

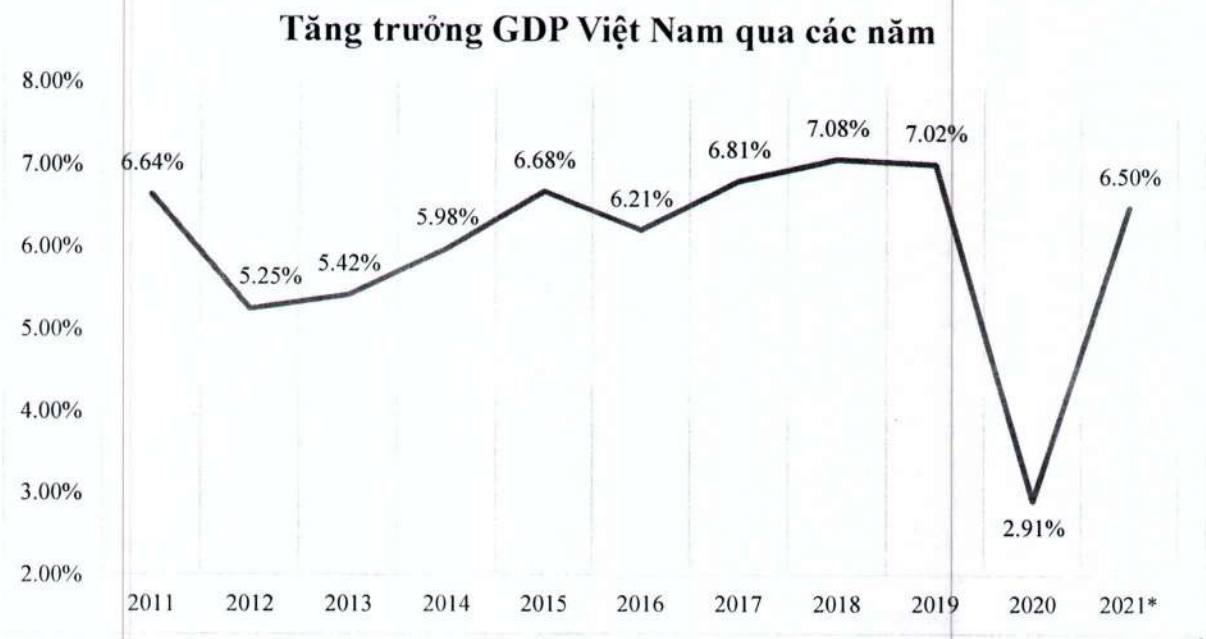

**Dự báo của IMF cho 2021*

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Nhìn chung diễn biến tăng trưởng GDP của Việt Nam từ đầu thập niên trước (Hình 1) có xu hướng tăng trưởng đều qua các năm. Sau khi bị ảnh hưởng bởi Cuộc khủng hoảng Tài chính Toàn cầu vào sau giai đoạn 2008 - 2010, Việt Nam đã lấy lại được đà hồi phục trong suốt những năm sau đó bắt đầu từ con số 5,25% trong năm 2012 và đạt đỉnh tăng trưởng 7,08% trong năm 2018. Con số ấn tượng này đạt được một phần nhờ động lực xuất khẩu từ các ngành nông lâm nghiệp và công nghiệp cũng như tăng trưởng ấn tượng với ngành dịch vụ, du lịch và các điểm nóng bất động sản. Sang đến năm 2019, tuy tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất ổn từ Chiến tranh Thương mại Mỹ - Trung nhưng Việt Nam vẫn đạt con số tăng trưởng kinh tế là 7,02%.

Năm 2020 đánh dấu bước ngoặt lớn trong lịch sử thế giới sự bùng phát của đại dịch COVID-19. Ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch lên mọi khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như kết nối toàn cầu đã khiến tăng trưởng kinh tế Việt Nam sụt giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại là 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%). Tuy nhiên, con số này vẫn là khả quan hơn rất nhiều so với việc phần lớn các nền kinh tế lớn khác trong khu vực và trên toàn cầu đã phải chịu mức sụt giảm kinh tế lớn nhất trong nhiều thập kỉ. Bên cạnh việc duy trì được sức tăng trưởng dương thì Việt Nam cũng là một trong những hình mẫu tiêu biểu trên thế giới về phòng chống dịch khi ngăn chặn thành công nhiều đợt bùng phát khỏi lan rộng ra cộng đồng. Kết quả tích cực trong phát triển kinh tế đi đôi với phòng chống dịch có được là nhờ những phản ứng quyết liệt và kịp thời của Chính phủ cũng như sự đồng lòng, đoàn kết thực hiện các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh của toàn thể người dân, khối doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam, nhằm đạt được mục tiêu "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội". Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Theo chủ trương của Quốc Hội đề ra và Chỉ thị của Thủ tướng Chính Phủ, Việt Nam phấn đấu trong năm 2021 đạt mức tăng trưởng từ 6% - 6,5%. Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF cũng mới đưa ra dự báo về mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là khoảng 6,5% cho năm 2021 và đạt khoảng 7,2% vào năm 2022. Cùng với đó, Ngân hàng Nhà nước cũng có kế hoạch đưa ra các gói hỗ trợ kinh tế nhằm thực hiện các mục tiêu ổn định tài chính và kinh tế vĩ mô. Với việc tình hình dịch bệnh đang dần được kiểm soát cũng như kinh tế thế giới đang cho thấy những dấu hiệu hồi phục sau quãng thời gian suy giảm thì có thể thấy đánh giá chung về tình hình kinh tế trong giai đoạn sắp tới là khả quan và tích cực. Tuy vậy, thực tế tốc độ tăng trưởng sẽ vẫn phụ thuộc lớn vào diễn biến của dịch COVID-19 cũng như khả năng ứng phó của từng quốc gia cũng như từng doanh nghiệp cụ thể.

Với bối cảnh kinh tế vĩ mô có nhiều bất ổn, Ban lãnh đạo Công ty chủ trương ứng phó linh động, có đường hướng, chỉ đạo kịp thời và phù hợp để đạt được những mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn tới, vừa đảm bảo phát triển bền vững, vừa đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh.

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những chỉ báo quan trọng đo lường tính ổn định về giá cả và đồng tiền của một nền kinh tế. Một nền kinh tế tăng trưởng ổn định cần phải được kiểm soát ở mức ổn định và đây cũng là mục tiêu mà Quốc Hội đã đề ra. Có thể thấy rằng, trong giai đoạn từ năm

2014 đến nay, tỉ lệ lạm phát ở Việt Nam được giữ ở lạm phát tự nhiên thấp, đạt mức đáy kỉ lục trong vòng 10 năm trở lại đây là 0,63% trong năm 2013. Với bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 trong năm 2020 đe dọa sự bất ổn của kinh tế - tài chính toàn cầu, chỉ số giá tiêu dùng bình quân vẫn được kiểm soát ở mức tăng 3,23% so với năm 2019, đạt mục tiêu mà Quốc Hội đã đề ra kiểm soát lạm phát dưới 4%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong quý I năm 2021 cũng chỉ tăng 0,29% so với cùng kỳ năm 2020. Các con số trên cho thấy những rủi ro về lạm phát tăng mạnh gây bất ổn cho nền kinh tế là không cao trong giai đoạn sắp tới. Mức lạm phát được giữ ở mức phù hợp sẽ tạo động lực cho tiêu dùng và đầu tư, giúp giảm tỉ lệ thất nghiệp. Đây sẽ là điều kiện quan trọng cho Công ty trong giai đoạn sắp tới do tính chất sản phẩm của Công ty có tính co giãn tương đối đối với mặt bằng giá tiêu dùng chung cũng như tạo ra mặt bằng phát triển ổn định cho Công ty.

Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm

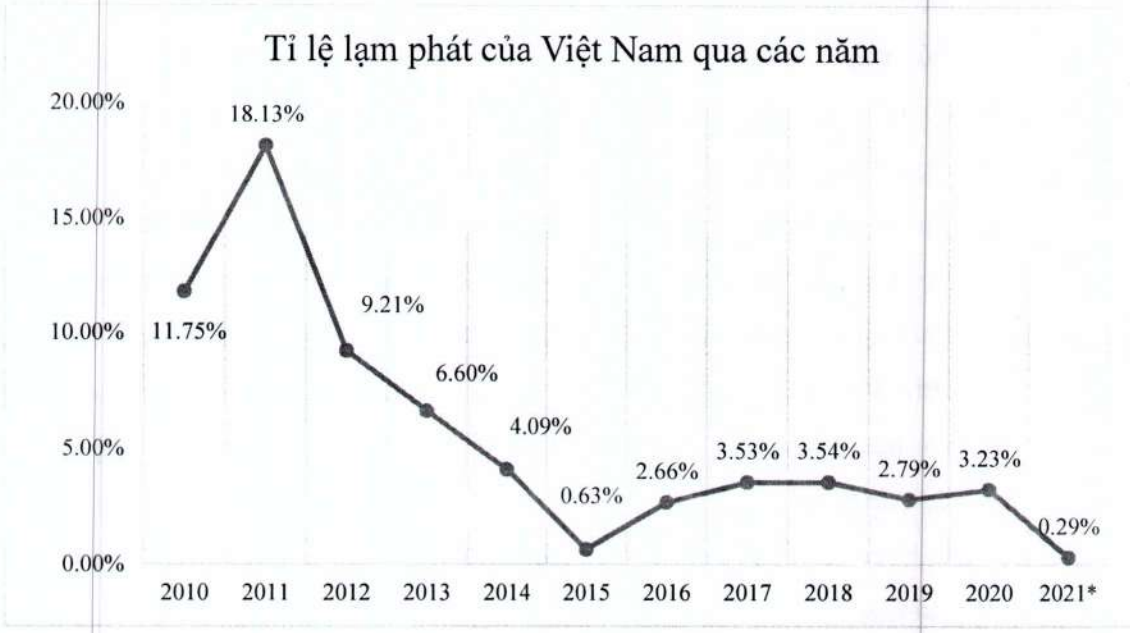

*Số liệu bình quân quý I/2021 so với quý I/2020

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.3. Rủi ro lãi suất

Bảng 1. Lãi suất huy động cho KHDN của một số ngân hàng đầu năm 2021

Kì hạn	1 tháng	6 tháng	12 tháng
Vietcombank	2,80%	3,50%	4,60%
BIDV	3,10%	4%	5,60%
VPBank	3,20%	4,90%	5,10%
VietinBank	3%	3,70%	5,60%
Techcombank	2,60%	4%	4,80%
MB	3%	4,50%	5,10%
ACB	3%	4,40%	4,80%

Agribank	3,10%	4%	5,60%
MSB	2,50%	4%	4,80%
SHB	3,20%	4,75%	5,10%
TPBank	3,50%	5,40%	6,30%

Nguồn: Tổng hợp từ trang web các công ty

Mức lãi suất vay vốn có tùy vào từng trường hợp và doanh nghiệp cụ thể nhưng dựa vào lãi suất huy động trên cũng như tình hình kinh tế xã hội hiện tại, được đánh giá sẽ nằm ở khoảng từ 7-9%.

Lãi suất là một trong những nhân tố cơ bản nhất quyết định đến nhiều yếu tố như định hướng kinh tế đối với kinh tế vĩ mô, về chi phí, quyết định đầu tư sản xuất đối với kinh tế doanh nghiệp. Xu hướng vận động của lãi suất bám sát xu hướng vận động của lạm phát và sau khi giảm mạnh trong giai đoạn 2014 – 2015 đang có xu hướng tăng lên cho đến cuối năm 2019. Đây cũng là giai đoạn kinh tế Việt Nam phát triển mạnh và mức lãi suất cao phản ánh khả năng hấp thụ vốn tốt của nền kinh tế. Cũng giống các chỉ báo kinh tế khác, mức lãi suất từ đầu năm 2020 cho đến hiện tại đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm thấp nhằm hạn chế rủi ro và khuyến khích đầu tư. Các chuyên gia cũng đưa ra các dự báo rằng lãi suất có thể tăng nhẹ trong năm 2021, tùy theo diễn biến chung của kinh tế thế giới và tình hình kiểm soát dịch bệnh.

Công ty sẽ chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty sẽ có những điều chỉnh phù hợp về tỉ lệ đòn bẩy cũng như cơ cấu nợ vay trên vốn chủ sở hữu, đồng thời phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được mức lãi suất có lợi nhất nhằm hạn chế tối đa những rủi ro về biến động lãi suất cũng như tối thiểu hóa chi phí vốn bình quân.

2. Rủi ro về luật pháp:

Các rủi ro từ luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống không thể tránh khỏi đối với bất cứ doanh nghiệp nào tại Việt Nam. Các thay đổi từ định hướng vĩ mô cho đến các quy định chi tiết trong các bộ luật sẽ ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

Là một công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng mà chủ yếu là vật liệu xây dựng từ đất sét nung, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật đầu tư số 61/2020/QH14, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14,... và các Nghị định, Thông tư, Văn bản dướng dẫn dưới luật. Hệ thống pháp luật ở Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và sửa đổi liên tục theo thực tế diễn biến và đặc điểm của từng ngành nghề, lĩnh vực. Vì vậy, rủi ro pháp lý trong thực tiễn quản lý và sản xuất sẽ xảy ra nếu Công ty vận dụng không phù hợp và không kịp thời những điều chỉnh của luật, đặc biệt là đối với quy

trình giám sát, đảm bảo và kiểm tra chất lượng sản phẩm cũng như các dự án cần cấp phép đầu tư mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp công ty hạn chế được những rủi ro này.

3. Rủi ro đặc thù:

3.1. Rủi ro thị trường tiêu thụ sản phẩm

Rủi ro thị trường tiêu thụ sản phẩm bao hàm rủi ro liên quan đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của thị trường cũng như sự thay đổi các đặc tính của thị trường. Đối với mặt hàng vật liệu xây dựng, khả năng tiêu thụ sản phẩm của thị trường có thể bị ảnh hưởng bởi nhu cầu về xây dựng, đầu tư bất động sản cũng như xu hướng xây dựng bị chuyển dịch theo quá trình đô thị hóa hoặc các quy hoạch biến đổi mục đích sử dụng đất, quy hoạch đầu tư phát triển. Sản phẩm chủ lực của Công ty là gạch xây dựng và ngói trang trí phân khúc hàng bình dân có chất lượng trung bình chủ yếu dành cho khu vực nông thôn và các thành phố trực thuộc tỉnh. Kể từ thời điểm bùng phát đại dịch COVID-19 vào đầu năm 2020, thị trường bất động sản cũng ít nhiều gặp ảnh hưởng và bị gián đoạn nên cũng tác động đến doanh số tiêu thụ sản phẩm, dù tác động từ phân khúc thị trường nông thôn và các thành phố trực thuộc tỉnh là không mạnh mẽ bằng các thị trường đô thị hoặc bất động sản du lịch khác.

Trước thời điểm tháng 06/2014, các địa bàn kinh doanh truyền thống của Công ty là Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Hưng Yên bên cạnh các khu vực tiềm năng đã dần được khai thác như Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Huế, Quảng Bình, khu vực Tây Bắc, Đông Bắc. Tuy nhiên kể từ tháng 06/2014, Công ty ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH MTV thương mại Viglacera Hạ Long (là công ty con của CTCP Viglacera Hạ Long) về việc bao tiêu toàn bộ sản phẩm do Công ty sản xuất đồng thời bàn giao toàn bộ cán bộ phòng kinh doanh cho Công ty TNHH MTV thương mại Viglacera Hạ Long. Hướng thay đổi này sẽ giúp Công ty đảm bảo đầu ra cho sản phẩm và tập trung hơn vào mảng sản xuất, nghiên cứu sản phẩm.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Rủi ro cạnh tranh đến từ việc các đối thủ trực tiếp có được những lợi thế nhất định từ việc nắm giữ và chiếm lĩnh một phần thị trường tiêu thụ sản phẩm có thể ảnh hưởng đến khả năng định giá và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Khả năng thâm nhập sâu hơn vào thị trường này là khá hạn chế do hầu hết các đối thủ cạnh tranh khác trên thị trường đã thiết lập được vị trí và chiếm lĩnh thị phần riêng.

Bảng 2. Một số đối thủ cạnh tranh chính theo sản phẩm

Sản phẩm	Các đối thủ cạnh tranh chính
Gạch xây QTC	Công ty Cổ phần Hạ Long I

	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long Công ty Cổ phần Xây dựng Giếng Đáy Nhà máy gạch Hưng Long Công ty Cổ phần Gốm Liên doanh Hoàng Quế
Gạch ngói	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long, Công ty Cổ phần Xây dựng Giếng Đáy
Gạch trang trí khác	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long Công ty Gốm Xây dựng Giếng Đáy

Hơn nữa, việc tăng giá đối với nhóm sản phẩm này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Công ty. Do đó, khi chi phí đầu vào tăng cao có ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, việc tăng giá bán được Công ty cân nhắc thận trọng để không ảnh hưởng đến doanh thu và giảm sút thị phần

3.3. Rủi ro biến động giá nguyên liệu và nhiên liệu

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, biến động giá nguyên, nhiên liệu đầu vào sẽ tác động lớn đến giá vốn hàng bán và qua đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh về chi phí và doanh thu của doanh nghiệp. Từ khi đại dịch COVID-19 diễn ra vào đầu năm 2020 cho đến nay, chuỗi cung ứng hàng hóa của thế giới bị đứt gãy nghiêm trọng khiến cho biến động giá các loại hàng hóa thiết yết có nhiều biến động tiêu cực. Ví dụ giá nhiên liệu dầu thô liên tục biến động thất thường trong bối cảnh nhu cầu di chuyển và vận chuyển trên toàn cầu giảm đột ngột khiến cho giá xăng trong nước cũng có những biến động cùng chiều và ảnh hưởng sang cả giá cả hàng hóa khiến các loại vật tư và nhiên liệu tăng mạnh. Công ty cần phải quản lý chi phí giá vốn để đưa ra được mức giá cạnh tranh trên thị trường.

Để ứng phó với điều kiện hiện nay, Công ty đã đưa ra giải pháp thực hiện tiến hành khảo sát thị trường nguyên liệu, vật tư đầu vào để lựa chọn cho mình những nhà cung cấp uy tín nhất trên thị trường, tiến hành ký kết hợp đồng với giá cược vận tải tỉ lệ thuận với giá dầu trên cơ sở định mức tiêu thụ trong hợp đồng. Cùng với đó là việc tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất sản suất và hoàn thiện quy chế Khoán nhằm giảm chi phí đầu vào, hạ thấp giá thành sản phẩm.

3.4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính của công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3.6. Rủi ro về quản lý nguồn nhân lực

Yếu tố về quản lí nguồn lực lao động là vô cùng quan trọng đối với một doanh nghiệp trực tiếp sản xuất sản phẩm, mà ở đây là mặt hàng vật liệu xây dựng gạch ngói vốn có tính cạnh tranh rất cao do đặc thù sản phẩm. Việc quản lí, vận hành, duy trì và bảo trì dây chuyền, nhà máy đòi hỏi phải có lực lượng lao động, cán bộ, kỹ thuật viên vừa có kiến thức, tay nghề, vừa có thâm niên đủ lâu để nắm được hết đặc điểm các mặt hàng mà Công ty sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Rủi ro sẽ xảy ra nếu Công ty không đảm bảo được một số lượng lao động cần thiết trong Công ty và tại các nhà máy, dẫn đến những rủi ro về chất lượng sản phẩm, uy tín thương hiệu Công ty và những rủi ro liên đới khác. Để quản lí rủi ro này, Công ty chủ trương đề ra các chính sách hợp lý, đãi ngộ tối và chăm sóc cho người lao động đồng thời thu hút nguồn lao động có trình độ cho Công ty.

4. Rủi ro khác:

Bên cạnh các rủi ro thường gặp trên, các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh,... đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn có thể gây ảnh hưởng lớn đến nhà máy như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn). Đặc biệt là việc dịch COVID-19 kéo dài và chưa được khắc phục là một thách thức vô cùng lớn cho việc duy trì và phát triển của Công ty.

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình sản xuất như: Tai nạn lao động hay các sự cố máy móc, lò, hầm sấy trong quá trình lao động. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân và đề cao ý thức an toàn lao động trong các phân xưởng.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Ông Trần Hồng Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Phùng Dương	Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Trần Thành	Giám đốc
Ông Dương Đức Vĩ	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Đại diện: **Bà Nguyễn Thị Hạnh**

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Quyết định Ủy quyền Số 98-2020/QĐ/FPTS- ngày 02/12/2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 104/2021/FPTS/FCF-HN/DTC với Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu, hoặc có thể gây hiểu lầm được thể hiện trong bản cáo bạch cần phải định nghĩa)

UBCK	:	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty	:	Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
BGĐ	:	Ban Giám đốc
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Công ty	:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều
VND	:	Việt Nam đồng
UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
VSD	:	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
HNX	:	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế

NLĐ	:	Người lao động
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều
Tổ chức tư vấn/FPTS	:	Công ty Cổ phần chứng khoán FPT
Công ty TNHH MTV	:	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
Yoy	:	Yeah over Year được sử dụng để so sánh kết quả tài chính trong cùng một khoảng thời gian năm ngoái

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU
Tên tiếng Anh	:	DONG TRIEU VIGLACERA JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	DTC
Mã chứng khoán	:	DTC
Logo	:	VIGLACERA
Vốn điều lệ đăng ký	:	100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	:	100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)
Người đại diện theo pháp luật	:	Trần Thành – chức vụ: Giám đốc
Trụ sở chính	:	Phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Số điện thoại	:	(84) 203 3671 011
Số fax	:	(84) 203 3670 067
Website	:	Viglaceradtc.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	Số 5700486105 (số cũ 2203000226) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/03/2004, cấp thay đổi lần 11 ngày 08/09/2017
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều:

Bảng 3. Danh mục một số ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

STT	Mã ngành	Hoạt động kinh doanh
1	2392 *(Chính)*	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
2	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết:* Chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất gạch ngói đất sét nung và các loại vật liệu xây dựng khác
3	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
4	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
5	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu: Gạch ngói đất sét.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều trước khi chuyển đổi mô hình hoạt động là doanh nghiệp nhà nước có tên gọi là Công ty gốm xây dựng Đông Triều. Năm 2004 Công ty được cổ phần hóa chuyển đổi hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo quyết định số 90/QĐ-BXD ngày 14/01/2004 của Bộ xây dựng có quá trình hình thành và phát triển như sau:

Từ năm 1965 đến năm 1971

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp gạch ngói Đông Triều được bàn giao từ Ban kiến thiết – Ty kiến trúc Quảng Ninh tháng 1 năm 1965, có trụ sở đóng trên địa bàn xã Hồng Phong, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Dây chuyền công nghệ gồm: 1 hệ máy sản xuất gạch EG2 và 1 máy ép ngói thủ công với công suất thiết kế là 5.000.0000 viên gạch và 350.000 viên ngói lợp/năm.

Từ năm 1971 đến năm 1978

Theo Quyết định số 1014/BKT-TCCB ngày 21 tháng 6 năm 1971 của Bộ trưởng Bộ kiến trúc, Xí nghiệp được chuyển giao từ Ty Kiến trúc Quảng Ninh sang Bộ Kiến trúc quản lý với nhiệm vụ sản xuất 7.000.000 viên gạch và 800.000 viên ngói/năm.

Theo Quyết định số 122/BKT-KH ngày 25 tháng 10 năm 1972 của Bộ kiến trúc cho phép Xí nghiệp được đầu tư mở rộng, lắp đặt hệ sản xuất Gạch 4 máy và xây dựng 1 hệ thống hầm sấy gạch 8 buồng.

Năm 1974, Xí nghiệp gạch ngói Đông Triều được chuyển về Công ty Gạch ngói sành sứ xây dựng thuộc Bộ Xây dựng và nay là Tổng Công ty Viglacera.

Từ năm 1978 đến năm 1980.

Thực hiện Quyết định số 1190/BXD thành lập Nhà máy Gạch Đông Triều (Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều sáp nhập với Nhà máy Gạch Silicat Đông Triều) nhiệm vụ sản xuất không thay đổi

nhưng quy mô tổ chức ở giai đoạn này chỉ còn gọi là Phân xưởng Gạch Đông Triều với sản lượng 5.000.000 viên gạch và 500.000 viên ngói/năm và là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc Nhà máy Gạch Đông Triều.

Từ năm 1980 đến năm 1993.

Theo yêu cầu của mô hình tổ chức, thực hiện Quyết định số 953/BXD-TCCB ngày 1 tháng 7 năm 1980 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tách Xưởng Gạch ngói Đông Triều trực thuộc Nhà máy Gạch Đông Triều trả lại là Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều hạch toán kinh tế độc lập từ ngày 01 tháng 8 năm 1980.

Ngày 24 tháng 3 năm 1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 093A/QĐ-BXD-TCLĐ thành lập lại Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 7 tháng 5 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng.Ngày 21 tháng 4 năm 1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 181/QĐ-BXD-TCLĐ sáp nhập Nhà máy Gạch lát hoa Đông Triều (Nhà máy Gạch Silicat Đông Triều cũ) vào Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều.

Từ năm 1993 đến nay.

Ngày 2 tháng 1 năm 1996, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 07/QĐ-BXD-TCLĐ đổi tên Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều thành Công ty Gốm xây dựng Đông Triều.

Ngày 14 tháng 1 năm 2004, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 90/QĐ-BXD chuyển đổi Công ty Gốm Xây dựng Đông Triều thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng thành Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera

Ngày 1 tháng 3 năm 2004, Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp, vốn điều lệ đăng ký là 4.500.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn Nhà nước là 51%.

Ngày 9 tháng 8 năm 2006, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh lần 1 số 22.03.000226 tăng vốn điều lệ lên 5.000.000.000 đồng. Hình thức tăng vốn là phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phần, trong đó phát hành 2.550 cổ phần cho Tổng Công ty Viglacera, sau đó Tổng công ty chuyển nhượng lại quyền mua cho các cán bộ nhân viên của Tổng công ty.

Ngày 06 tháng 12 năm 2006 Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp quyết định niêm yết cổ phiếu của công ty với mã chứng khoán DTC và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 12 năm 2006 với khối lượng giao dịch là 500.000 cổ phiếu phổ thông. Theo quy định tại Điều 25, Luật chứng khoán số 70/2006/QH11, Công ty là công ty đại chúng.

Ngày 13 tháng 5 năm 2008, Công ty đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 2 đổi tên Công ty từ: Công ty cổ phần Đông

Triều Viglacera thành Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều, trụ sở chính đặt tại xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 11 tháng 12 năm 2008 Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 3 tăng vốn điều lệ Công ty từ 5.000.000.000 đồng lên 10.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận kinh doanh số 22.03.000226 do Sở KHĐT Quảng Ninh cấp) theo hình thức phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ thực hiện 100%.

Ngày 21 tháng 07 năm 2011 Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5 tăng vốn điều lệ Công ty từ 10.000.000.000 đồng lên 20.000.000.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông tỷ lệ thực hiện 100%.

Ngày 28 tháng 8 năm 2012 Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 6 tăng vốn điều lệ Công ty từ 20.000.000.000 đồng lên 40.000.000.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho Tổng công ty Viglacera, mục đích để đầu tư nâng cấp Nhà máy Đông Triều I của Công ty.

Ngày 22 tháng 03 năm 2013, Công ty hủy niêm yết cổ phiếu tự nguyện để chuyển sang đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do hoạt động kinh doanh gặp khó khăn. Cổ phiếu của công ty được đăng ký giao dịch trở lại trên sàn UPCoM kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2013, khối lượng giao dịch là 4.000.000 cổ phiếu.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11 tăng vốn điều lệ Công ty từ 40.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng theo hình thức chào bán riêng lẻ cho Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long và các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân khác, mục đích để thực hiện đầu tư các hạng mục và dự án theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Hiện nay Công ty đã có 2 nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng tại Phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều và Thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, đều ở tỉnh Quảng Ninh với công suất thiết kế 132 triệu viên gạch, ngói QTC/năm.

Hiện nay, Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700486105 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/03/2004, cấp thay đổi lần 11 ngày 08/09/2017 với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng.

1.3. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ

Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều có 05 lần tăng vốn điều lệ từ 4.500.000.000 đồng lên 100.000.000.000. Cụ thể quá trình tăng vốn như sau:

Bảng 4. Giới thiệu quá trình tăng vốn của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
2006	4.500.000.000	500.000.000	5.000.000.000	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu: + Phát hành 2.550 CP cho Tổng Công ty Viglacera (Tổng công ty chuyển nhượng quyền mua cho CBNV) + Phát hành 2.450 cổ phần cho cổ đông khác theo tỷ lệ 9:1	*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 09/08/2006*
2008	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	- Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức, tỷ lệ thực hiện: 100%	*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 11/12/2008*
2011	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện: 100%	*- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2010/NQ ĐHĐCĐ-DTC ngày 17/3/2010;* *- Thông báo của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của công ty.* *- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 21/07/2011*
2012	20.000.000.000	20.000.000.000	40.000.000.000	- Chào bán cho cổ đông hiện hữu và Tổng công ty Viglacera mua thêm: 1.620.000 CP - Chào bán riêng lẻ cho Tổng công ty Viglacera: 380.000 CP	*- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2011/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2011 của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều;* *- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 29/2012/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2012 của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều v/v xử lí và bán cổ phiếu*

					không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu; *- Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 05/UBCK-GCN ngày 12/01/2012;* *- Quyết định số 329/QĐ-UBCK v/v chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều.* *- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 28/08/2012*
2017	40.000.000.000	60.000.000.000	100.000.000.000	Chào bán riêng lẻ	*- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/2017/NQ-ĐHĐCĐ.DTC ngày 16/03/2017 của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều;* *- Nghị quyết HĐQT v/v triển khai phương án phát hành cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều;* *- Công văn số 3832/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều* *- Công văn số 5912/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v nhận được đầy đủ báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều.* *- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/09/2017*

Từ thời điểm là Công ty cổ phần, Công ty đã tăng vốn 05 lần. Theo đó, đối với các lần tăng vốn

năm 2006, 2008 và 2011; Công ty đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định. Tuy nhiên do thời gian đã quá lâu; vì vậy Công ty không còn lưu đầy đủ tài liệu của lần tăng vốn trên. Công ty cam kết các lần tăng vốn đều được xin phép đúng theo luật định và đều được Ủy ban chứng khoán nhà nước rà soát các điều kiện cần thiết trong đó có việc rà soát các điều kiện của các đợt phát hành trước đó rồi mới cấp phép.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty

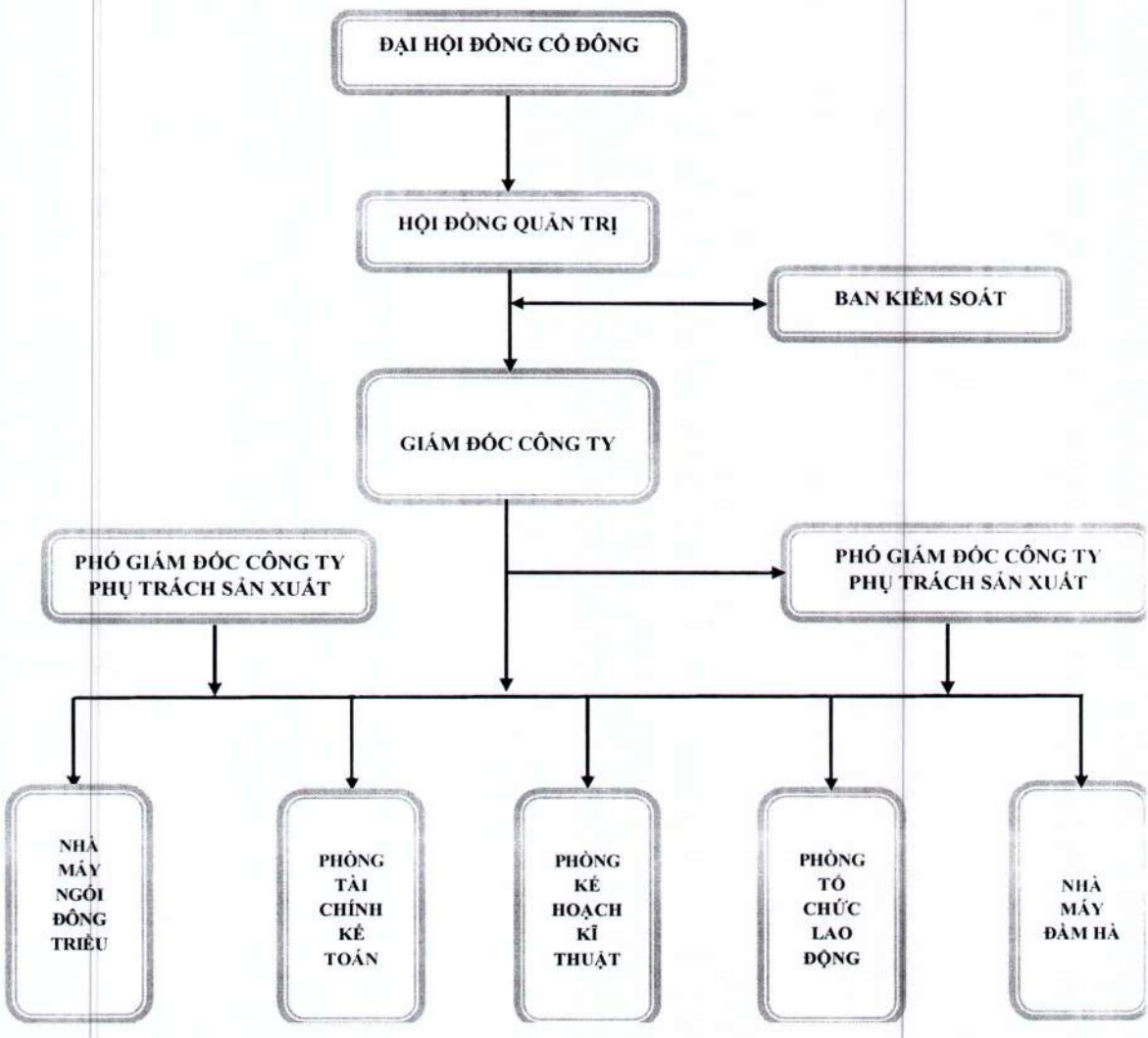

Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và quy định pháp lý có liên quan.

2.1. Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần, ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Luật pháp và Điều lệ của công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các số liệu Báo cáo tài chính (BCTC) hàng năm của Công ty và kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo. Ngoài ra, ĐHĐCĐ có nhiệm vụ chính là bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) của Công ty

2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. HĐQT bao gồm 05 thành viên trong đó có 02 thành viên điều hành và 03 thành viên không điều hành Công ty.

2.3. Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của BKS do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. BKS hoạt động với 3 thành viên, độc lập với HĐQT và Ban điều hành.

2.4. Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng, ngoài ra giúp việc cho Giám đốc còn có các phòng/ban chức năng của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban Giám đốc do Luật pháp và Điều lệ của công ty quy định. Ban Giám đốc bao gồm 3 thành viên.

2.5. Các phòng ban chức năng

Các phòng ban/đơn vị trong Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban điều hành đạt hiệu quả và năng suất cao, cụ thể như sau:

Phòng tài chính – kế toán

Thực hiện các công việc về tài chính – kế toán liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản và kinh doanh của Công ty. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước Ban Giám đốc. Phân tích, đánh giá

tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo Công ty về các chiến lược tài chính ngắn, trung và dài hạn trên cơ sở các dự án đang và sẽ triển khai. Kiểm tra, giám sát tình hình, công tác tài chính kế toán để đảm bảo tuân thủ quy chế của Công ty và các quy định liên quan của Pháp luật.

Phòng kế hoạch kĩ thuật

- Chịu trách nhiệm thẩm định dự án, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn - trung dài hạn, kế hoạch đầu tư, hoàn tất các thủ tục đầu tư, quản lý và phát triển dự án, tổ chức và triển khai thực hiện các dự án đầu tư.
- Tư vấn, tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác kế hoạch.
- Theo dõi, kiểm tra các quy trình công nghệ sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Thiết kế chế thử các mẫu mã sản phẩm.
- Lập, quản lý hồ sơ khai thác mỏ, mốc giới đất đai và tài nguyên môi trường.

Phòng tổ chức lao động

- Theo dõi việc thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội – y tế cho CBCNV của Công ty, lập bảng lương hàng tháng và thực hiện các chính sách nhân sự, lao động khác.
- Xây dựng kế hoạch, đề xuất các chương trình vui chơi giải trí tập thể cho CBCNV trong công ty, đảm bảo sử dụng quỹ phúc lợi hợp lý và có hiệu quả nhất.
- Tìm kiếm, tuyển dụng các ứng cử viên có năng lực và các vị trí theo yêu cầu của Ban Giám đốc.
- Tư vấn cho Ban Giám đốc về các chính sách, chủ trương mới trong lĩnh vực lao động.
- Xây dựng, đề xuất các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho các phòng ban.

Nhà máy ngói Đông Triều

Địa chỉ: Phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện sản xuất ngói trang trí theo kế hoạch về sản lượng, chủng loại sản phẩm theo nhiệm vụ và nhu cầu của thị trường. Công suất thiết kế nhà máy 80.000.000 viên QTC sản phẩm ngói trang trí, công suất thực hiện là 60.000.000 viên QTC.

Nhà máy Đầm Hà

Địa chỉ: Thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện sản xuất gạch xây theo kế hoạch về sản lượng, chủng loại sản phẩm theo nhiệm vụ và nhu cầu của thị trường. Công suất thiết kế nhà máy 52.000.000 viên QTC gạch xây, công suất thực hiện là 40.000.000 viên QTC.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Bảng 5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

STT	Cổ đông	Số CMND/ Giấy ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Vũ Đức Tỵ	100630159	Tổ 8 khu 8, phường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	515.040	5,15%
2	Nguyễn Xuân Sơn	001082030085	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	897.000	8,97%
3	Phạm Thị Thu	112509869	Đồng Tâm, Ứng Hòa, Hà Nội	897.100	8,97%
4	Đào Bá Dong	030043000003	37 ngõ 268 Đê La Thành, Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	899.402	8,99%
5	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	5700101147	Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	4.000.000	40%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt đến ngày 21/07/2021 do VSD cung cấp

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020: "Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó". Đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

3.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 6. Cơ cấu cổ đông công ty tại ngày 21/07/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Giá trị cổ phần nắm giữ (đồng)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
I	**Trong nước**	**279**	**9.811.349**	**98.113.490.000**	**98,11**

1	Tổ chức	6	4.011.114	40.111.140.000	40,11
2	Cá nhân	273	5.800.235	58.002.350.000	58,00
II	**Nước ngoài**	**20**	**188.651**	**1.886.510.000**	**1,89**
1	Tổ chức	2	541	5.410.000	0,01
2	Cá nhân	18	188.110	1.881.100.000	1,88
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**299**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt đến ngày 21/07/2021 do VSD cung cấp

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, nhưng công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

- **Công ty mẹ:** Không có
- **Công ty con:** Không có
- **Công ty liên doanh, liên kết:** Không có
- **Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Hiện tại công ty có 02 nhà máy sản xuất sản phẩm gạch ngói đất sét nung với đa dạng chủng loại, mẫu mã và màu sắc sản phẩm. Các sản phẩm của Công ty đều phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn cơ sở của Viglacera.

GẠCH TUYNEL

Gạch tuynel của Công ty có khả năng chịu lực cao, màu sắc đẹp, đạt TCVN 1450:1998. Nguyên liệu sản xuất sản phẩm này được phong hóa ngâm ủ trên 6 tháng và gia công sơ chế đảm bảo chất lượng nguyên liệu được đưa vào hệ thống đùn ép tạo hình, sấy và xếp nung trong lò nung tuynel.

Bảng 7. Sản phẩm Gạch Tuynel

TT	Sản phẩm	Hình ảnh	Quy cách (DxRxC)mm

1	Gạch rỗng R60-2 lỗ	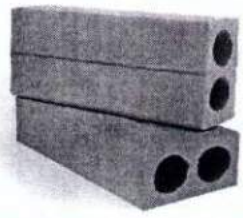	220x105x60
2	Gạch rỗng R150-6 lỗ		220x150x105
3	Gạch rỗng 4 lỗ dọc		220x210x60

NGÓI LỢP VÀ CÁC SẢN PHẨM NGÓI TRANG TRÍ

Các sản phẩm ngói lợp, ngói trang trí của công ty được sản xuất trên hệ thống dây chuyền hiện đại, tiên tiến hiện nay. Nguyên liệu sử dụng từ nguồn đất sét Quảng Ninh đã chọn lọc kỹ nên các sản phẩm của Công ty đều có chất lượng cao, màu sắc tươi mới, hình dáng sắc nét và đều được phủ lớp chống thấm silicol, phù hợp với các công trình nhà ở, biệt thự, khu resort, đình, chùa, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa đảm bảo tính thẩm mĩ, sang trọng cũng như có vẻ đẹp cổ kính cho các công trình.

Bảng 8. Sản phẩm ngói lợp và ngói trang trí

TT	Sản phẩm	Hình ảnh	Quy cách (DxRxC)mm
1	Ngói lợp 22 viên/m^2		340x200x12,5
2	Ngói nóc 360	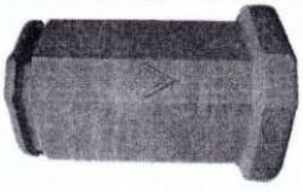	340x170x16

3	Ngói sò 250			250x150x13
4	Ngói hài 150			150x150x11
5	Ngói màn			200x150x13
6	Ngói hài J			200x150x12
7	Gạch lá dừa			200x200x20

Tình hình sản xuất tại các đơn vị trong 02 năm trở lại đây như sau:

Bảng 9. Sản lượng sản xuất tại các đơn vị trong năm 2019 và 2020

Đơn vị: 1.000 viên

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
1	**Nhà máy Đông Triều 1**			
1.1	Gạch xây 2 lỗ	11.043	0	(100)
1.2	Gạch xây 6 lỗ	1.202	759	(37,9)
1.3	Ngói 22	36.746	40.744	10,9
1.4	Gạch ngói khác	1.293	2.389	84,8
2	**Nhà máy Đầm Hà**			

2.1	Gạch xây 2 lỗ	27.498	26.805	2,5
2.2	Gạch xây 6 lỗ	4.080	3.927	3,7

Nguồn: Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều

✦ NHÀ MÁY ĐÔNG TRIỀU I

Nhà máy Đông Triều I của Công ty được đặt tại địa chỉ phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Nhà máy là đơn vị sản xuất chủ lực của công ty với sản phẩm chủ yếu là ngói trang trí. Nhà máy được đặt nằm cạnh Sông Kinh Thầy và cách đường 18A 3km, nằm cách cảng biển Hải Phòng và cảng biển Cái Lân khoảng 50-60km. Như vậy hệ thống đường bộ, đường thủy đều rất thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên nhiên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm của nhà máy.

Dây chuyền sản xuất hiện tại đã được Công ty đầu tư và chuyển đổi sản xuất sang 100% ngói lợp, đồng thời công nghệ gia công nguyên liệu là nghiền khô.

Dây chuyền sản xuất tại Nhà máy Đông Triều I gồm:

+ Công nghệ tạo hình gồm:

- ✓ Hệ máy gia công nguyên liệu (xuất xứ Châu Âu) và hệ tạo phôi (xuất xứ Việt Nam) có công suất trung bình 25 – 30 m3/giờ
- ✓ Hệ máy chế biến tạo hình của Italia và Tiệp Khắc có công suất 25 – 30 m3/giờ

+ Công nghệ ép ngói 11PV với 2 máy có công suất 3.000 viên/giờ/máy

+ Công nghệ sấy: 01 hầm sấy sơ cấp có công suất 25 tấn, 02 hầm sấy tuynel thứ cấp công suất 35 triệu viên/năm

+ Công nghệ nung: 03 lò nung tuynel công suất 60 triệu viên/năm.

Về nguồn nguyên liệu và nguồn nước sử dụng tại nhà máy: Nguồn nguyên liệu chính được khai thác tại mỏ nguyên liệu của Công ty ở xã Tràng An – Thị xã Đông Triều và thu mua từ các khu vực lân cận thị xã Đông Triều, ngoài ra Công ty còn sử dụng một số nguyên liệu phối trộn khác vận chuyển về Công ty bằng đường bộ, đường thủy. Nhà máy đang sử dụng nguồn nước máy công nghiệp và nước mặt tại hồ nước của nhà máy và nước sông Kinh Thầy do đó cấp đủ cho toàn bộ nhà máy trong quá trình sản xuất gạch ngói.

Hiện tại số lượng lao động của nhà máy là 623 người, chiếm 84,8% tổng số lượng lao động của toàn công ty.

✦ NHÀ MÁY ĐẦM HÀ

Nhà máy Đầm Hà được đặt tại Thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh. Dây chuyền sản xuất gạch nung từ đất sét bằng công nghệ cải tiến của Italia, với công suất là 40.000.000 viên/năm, cụ thể:

+ Công nghệ tạo hình: Hệ máy chế biến tạo hình của Việt Nam có công suất 15 triệu viên/ năm

+ Công nghệ sấy: 1 hầm sấy Tuynel có công suất 20 triệu viên/ năm

+ Công nghệ nung: 1 lò nung Tuynel công suất 20 triệu viên/ năm

Nguồn nguyên liệu sử dụng cho nhà máy: Nguồn nguyên liệu chính được khai thác và thu mua tại khu vực lân cận của nhà máy, hoặc được cung cấp bởi các nhà cung ứng chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Tổng số lượng lao động của nhà máy Đầm Hà hiện tại là: 67 người, chủ yếu là lao động tại địa phương.

Trong cơ cấu doanh thu, gạch ngói đất sét nung chiếm tỷ trọng đa số trong tổng doanh thu bán hàng của Công ty. Đây là khoản doanh thu với bên liên quan: Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Viglacera Hạ Long – Công ty con của cổ đông lớn Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long theo hợp đồng bao tiêu sản phẩm đã được ký kết giữa hai bên.

Bảng 10. Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm so với 2019	06 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán gạch ngói đất sét nung	310.788.534.256	99,99%	333.532.893.054	99,99%	7,32%	132.257.479.674	100%
Doanh thu khác	32.727.264	0,01%	32.727.264	0,01%	0,00%	-	0%
Tổng cộng	**310.821.261.520**	**100%**	**333.565.620.318**	**100%**	**7,32%**	**132.257.479.674**	**100%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Doanh thu của công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán gạch ngói đất sét nung, chiếm tỷ trọng 99,99% trên tổng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong năm 2020, nguồn doanh thu chính từ bán gạch ngói đất sét nung của Công ty đạt 333,5 tỷ đồng, tăng nhẹ 7,32% so với năm 2019. Trong bối cảnh tình hình thị trường xây dựng chung gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh trong năm 2020, doanh thu năm 2020 nêu trên được coi là tích cực khi mà doanh thu năm 2019 đã giảm tương đối so với năm 2018 (doanh thu năm 2018 vào khoảng 334 tỷ đồng). Lý do tăng trưởng doanh thu trong năm 2020 là do Công ty đã hoàn thiện việc đầu tư xong các dự án chuyển đổi nguyên liệu đốt, cơ cấu sản phẩm đốt và đi vào hoạt động sản xuất ổn định, chất lượng sản

phẩm mỏng (có giá trị cao hơn) từng bước được nâng cao, phát huy tối đa về năng suất các lò nung hiện có và duy trì ổn định việc hoạt động sản xuất kinh doanh tại các nhà máy. Khoản mục doanh thu khác đến từ hoạt động cho ngân hàng thuê địa điểm đặt cây ATM chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu nên không ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh thu bán gạch ngói đất sét nung trong 06 tháng đầu năm 2021 chiếm tỷ trọng 100% trên tổng doanh thu, đạt xấp xỉ 132,3 tỷ đồng, giảm 24,09% so với cùng kỳ năm 2020 (174,2 tỷ đồng), nhưng đạt gần một nửa so kế hoạch cả năm 2021 (khoảng 300 tỷ đồng) do hoạt động kinh doanh của Công ty và thị trường gạch ngói tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19. Dự kiến khi thị trường bất động sản ổn định lại vào cuối năm nay, Công ty có thể hoàn thành kế hoạch đã đặt ra. Trong 06 tháng đầu năm 2021 không phát sinh doanh thu khác, do doanh thu cho thuê cây ATM được bên thuê trả theo năm, dự kiến sẽ phát sinh trong 06 tháng cuối năm 2021.

Bảng 11. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm so với năm 2019	06 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT		Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Lợi nhuận gộp từ bán gạch ngói đất sét nung	43.357.190.389	13,95%	51.654.745.037	15,49%	19,14%	16.140.324.324	12,20%
Lợi nhuận gộp khác	32.727.264	0,01%	32.727.264	0,01%	0,00%	-	0,00%
Tổng cộng	**43.389.917.653**	**13,96%**	**51.687.472.301**	**15,50%**	**19,12%**	**16.140.324.324**	**12,20%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Trong năm 2020, lợi nhuận gộp của công ty đạt 51,69 tỷ đồng, với biên lợi nhuận gộp được cải thiện từ 13,96% lên 15,5%, chủ yếu do kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu đầu vào và giảm giá thành sản xuất sản phẩm. Cơ cấu doanh thu chủ yếu đến từ bán gạch ngói đất sét nung, nên cơ cấu về lợi nhuận gộp của dòng doanh thu này cũng chiếm phần lớn, và đã tăng 19,14% so với lợi nhuận gộp năm 2019.

Trong nửa đầu năm 2021, lợi nhuận gộp của Công ty đạt 16,1 tỷ, giảm 38,5% so với cùng kỳ 2020 (26,2 tỷ đồng), với biên lợi nhuận gộp giảm còn 12,20%, chủ yếu do tốc độ giảm của doanh thu cao hơn tốc độ giảm của giá vốn. Công ty đang có những điều chỉnh về chi phí sản xuất để

cải thiện biên lợi nhuận trong nửa cuối năm 2021.

5.2. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu sản xuất

- Nguyên liệu chính: Đất sét (khoáng chất có thành phần chính là Al2SiO5(OH)4 – Aluminum Silicate Hydroxide) dùng để sản xuất gạch, ngói của Công ty đảm bảo đúng tiêu chuẩn TCVN 4353-86. Đất sạch, không lẫn tạp chất hữu cơ hoặc rác, không lẫn gạch, đá, sỏi sạn dạnh đá vôi, tạp chất có hại khác và phải đảm bảo được quy định về độ ẩm, kích thước theo yêu cầu về sản xuất của công ty. Tổng lượng đất được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm trong năm ước tính khoảng 141.144 m3
- Tỉ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm: 6 - 7%/năm tương đương 9.174 m3 đất.
- Ngoài đất sét là nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất, các nguyên liệu còn lại bao gồm: than cám, than cục, cát rửa qua sàng làm phụ gia sản xuất ngói, các sản phẩm đồ điện nước, vòng bi, dây đai, que hàn, các loại van, các loại vật tư kim khí, bulong, máy móc, thiết bị máy mới và đã qua sử dụng. Các sản phẩm keo, bột chịu nhiệt, muối hàn nguyên, dây đai nhựa, bọ kẹp, ni lông. Các loại vật tư, thiết bị, gỗ tạp xẻ, palet gỗ, khay gố, đồ dùng nhỏ lẻ phục vụ sản xuất, xăng và dầu nhờn các loại,…

Tiêu thụ nước

- Nước dùng cho sinh hoạt của CBCNV cung cấp bởi Xí nghiệp nước sạch Quảng Ninh cung cấp
- Nước sinh hoạt: nước mưa và nước hồ lọc của 2 nhà máy 10 m^3/ ngày
- Nước thải lắng đọng trong hồ các đơn vị khoảng 10 m^3/ ngày

Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Với nguyên liệu đất sét – thành phần chính để sản xuất gạch, ngói được Công ty trực tiếp khai thác từ các mỏ của Công ty ở Đầm Hà, Đông Triều, và từ nguồn cung bên ngoài thông qua việc ký kết các hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị khai thác. Địa bàn tỉnh Quảng Ninh vốn được biết đến là khu vực giàu tài nguyên khoáng sản trong đó có đất sét là nguồn nguyên liệu tự nhiên, dễ khai thác và vận chuyển. Các nhà máy sản xuất của Công ty đều được đặt tại vị trí gần các mỏ sét để thuận lợi trong việc vận chuyển và khai thác nguyên liệu. Với mục tiêu phát triển dài hạn, dự kiến trong những năm tới, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức xin cấp phép khai thác mới từ 2 đến 3 mỏ sét phục vụ sản xuất. Công ty nhận định nguồn nguyên liệu dự trữ để đáp ứng nhu cầu sản xuất trong vòng tối thiểu 03 năm, góp phần không nhỏ vào sự ổn định trong sản xuất của Công ty.

Nhiên liệu dùng cho lò sấy, lò nung tuynel là than cám 6 Quảng Ninh và than cục. Đây là những loại nhiên liệu quan trọng trong quá trình sản xuất gạch đất nung. Hiện tại Công ty đã có các nhà cung cấp than có chất lượng tốt và nguồn cung ổn định. Công ty thực hiện ký kết hợp đồng cung cấp theo từng năm với các nhà cung ứng. Một số nhà cung cấp chính của Công ty có thể kể đến:

STT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Trụ sở chính
1	Than cám, Than cục	Công ty cổ phần Vận tải và chế biên Than Đông Bắc	Phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
2	Đất sét	Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất Thương mại Việt Pháp	Phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
3	Dầu DO 0,05%S	Công ty cổ phần Thương mại Xăng Dầu Việt Nam	Số 15 Lê Văn Thiêm, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
4	Xăng Ron A95 Dầu Diesel Dầu nhờn các loại	Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Thương Mại Kim Sơn	Phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh
5	Cát rửa	Công ty TNHH Nam Long Giang	Xã Hồng Thái Tây,thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Là một doanh nghiệp sản xuất hàng hóa, giá vốn hàng bán chiếm tỉ trọng rất lớn trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận (được trình bày chi tiết tại mục 5.3 dưới đây). Đối với mặt hàng vật liệu xây dựng bằng đất nung, chi phí nguyên vật liệu đầu vào sẽ cấu thành phần lớn giá vốn hàng bán và các tác động của giá nguyên vật liệu đất sét sẽ ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Công ty cũng có ưu thế nhất định khi tự chủ một phần trong việc trực tiếp khai thác nguồn nguyên liệu đầu vào, qua đó kiểm soát được chi phí để có được nguyên vật liệu đất sét, giúp hạ giá thành sản phẩm. Mặc dù thị trường trong nước và thế giới trong thời gian vừa quá có nhiều biến động tương đối lớn về giá cả, chi phiếu nguyên, nhiên liệu (xăng dầu), chi phí vận chuyển, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tương đối ổn định và không bị ảnh hưởng quá lớn về giá cả và các chi phí khác.

5.3. Chi phí sản xuất

Bảng 12. Cơ cấu chi phí qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chi tiết	2019		2020		% tăng giảm so với năm 2019	06 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	267.431.343.867	86,04	281.878.148.017	84,50	5,4	116.117.155.350	87,80
Chi phí tài chính	15.966.476.975	5,14	16.525.660.089	4,95	3,5	8.708.652.460	6,58
Chi phí bán hàng	808.882.219	0,26	749.670.183	0,22	(7,32)	217.719.474	0,16
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.246.780.882	3,62	11.662.451.143	3,50	3,7	4.845.370.066	3,66
Chi phí khác	2.833.858	0,00	1.619.748.811	0,49	57.057	0	0,00
Tổng cộng	**295.456.317.801**	**95,06**	**312.435.678.243**	**93,67**	**5,75**	**129.888.897.350**	**98,21**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Tổng cộng chi phí của Công ty trong năm 2020 tăng 5,75% so với năm 2019, đạt 312,4 tỷ đồng. Chiếm tỉ trọng lớn nhất là giá vốn hàng bán khi trong các năm liên tục tỷ trọng trên doanh thu thuần luôn ở mức trên 80%. Việc giá vốn hàng bán năm 2020 tăng 5,4% cũng ảnh hưởng lớn nhất đến tổng chi phí của Công ty, chủ yếu là do sản lượng sản xuất và tiêu thụ cũng tăng nhẹ so với năm 2019. Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao thứ hai, lần lượt là 15,97 tỷ và 16,53 tỷ đồng, chiếm 5,14% và 4,95% trên doanh thu thuần của Công ty. Đây là các khoản lãi vay Công ty trả cho cho Ngân hàng, các tổ chức và cá nhân cho công ty vay theo các hợp đồng vay vốn. Tiếp sau là chi phí quản lí doanh nghiệp (lần lượt chiếm 3,62% và 3,5% doanh thu thuần năm 2019 và 2020). Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp có mức tăng nhẹ (lần lượt là 3,7% và 3,5%) trong năm 2020 so với năm 2019, đây là mức tăng hợp lý khi tổng doanh thu và chi phí của Công ty năm 2020 tăng nhẹ. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trên doanh thu thuần (xấp

xỉ 0,2% trong cả 2 năm) do công ty đã ký hợp đồng bao tiêu toàn bộ sản phẩm sản xuất cho Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long, nên không phát sinh nhiều chi phí. Trong năm 2020, chi phí này giảm 7,32% so với năm 2019, chủ yếu là do giảm chi phí nguyên vật liệu dùng cho việc bán hàng. Riêng đối với khoản mục chi phí khác, năm 2020 Công ty ghi nhận mức tăng đột biến do phải đóng khoản tiền phạt và truy thu thuế (tăng 57.057% so với năm 2019). Tổng số tiền phạt và truy thu thuế phải nộp là gần 1,2 tỷ đồng do công ty khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào và hoạch toán chi phí được khấu trừ khi xác định thụ nhập chịu thuế chưa đúng quy định (chi tiết được nêu tại phần tình hình tài chính của Công ty). Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và cơ cấu chi phí khác trong tổng chi phí ở mức rất thấp, không ảnh hưởng đến kế hoạch của Công ty.

Sáu tháng đầu năm 2021, Công ty tiếp tục giữ tỉ trọng các chi phí ở mức hợp lý. Giá vốn hàng bán 06 tháng đầu năm đạt 116,1 tỷ đồng, giảm 21,55% so với cùng kỳ năm 2020 (06 tháng năm 2020 là khoảng 148 tỷ đồng) do doanh thu ghi nhận cũng giảm. Chi phí bán hàng cũng ghi nhận mức giảm đáng kể, chỉ đạt 218 triệu đồng (giảm 78,32% so với cùng kỳ năm 2020) do trong đầu năm 2020 Công ty có chi trả phí duy trì và phát triển thương hiệu Viglacera cho Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long. Các chi phí còn lại duy trì ổn định, do chiếm tỷ trọng không lớn nên không ảnh hưởng nhiều đến tổng chi phí chung của Công ty.

5.4. Trình độ công nghệ

- **Sơ đồ công nghệ:**

Công nghệ sản xuất gạch, ngói hiện tại đang được áp dụng tại Công ty theo sơ đồ như sau:

Hình 4. Sơ đồ công nghệ

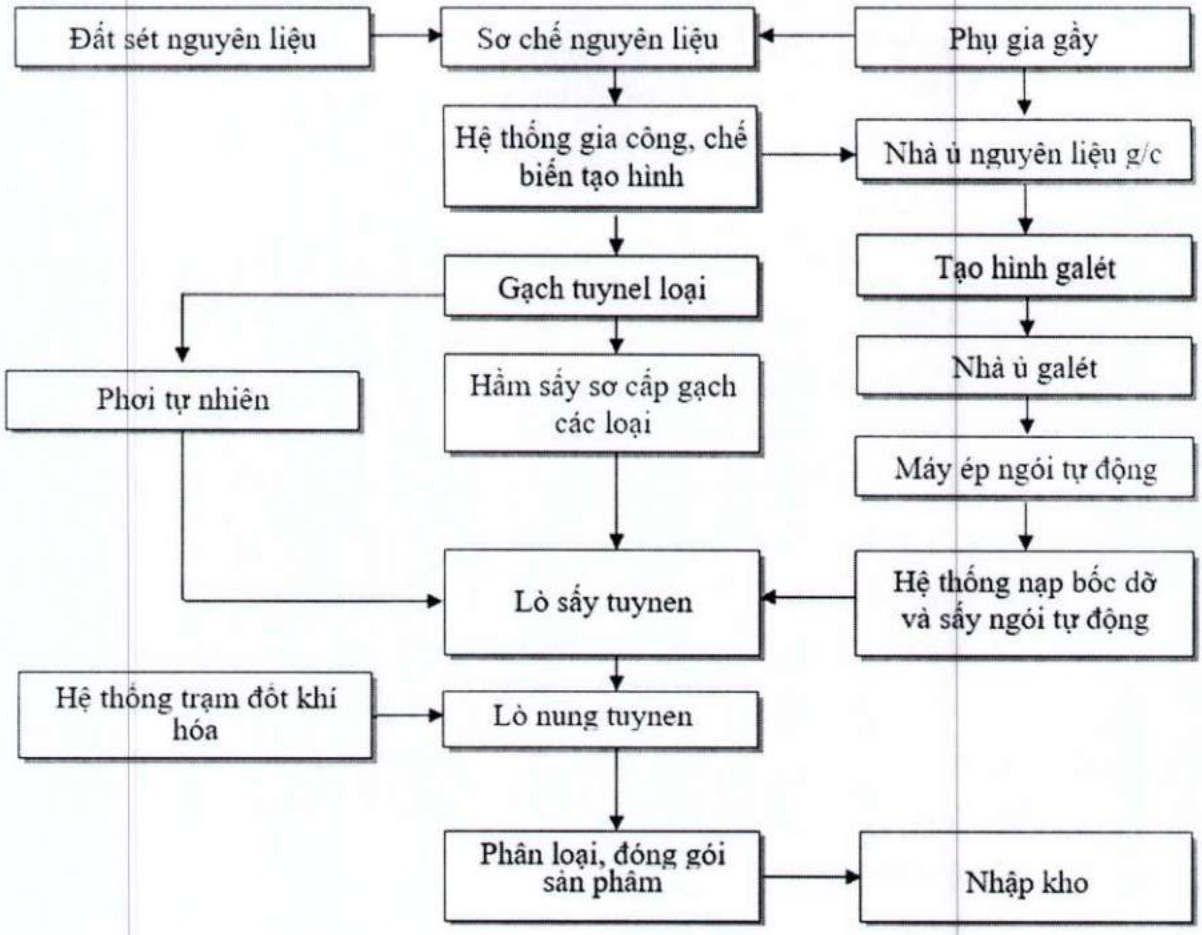

Một số trang thiết bị máy móc đang được sử dụng để sản xuất:

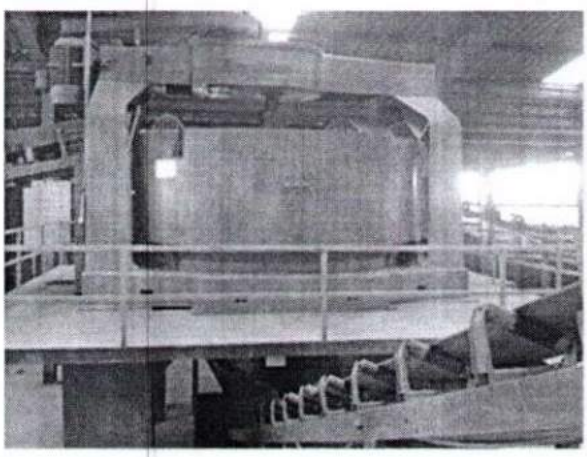

Máy cấp liệu

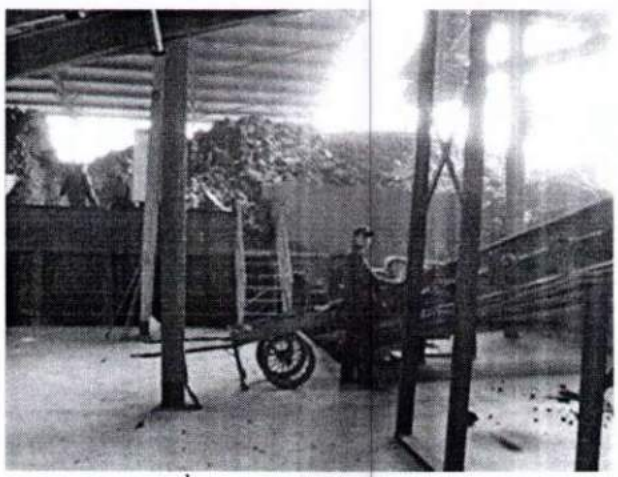

Máy nghiền xa luân Bongioanni ITALIA

Máy cán mịn Bongioanni ITALIA

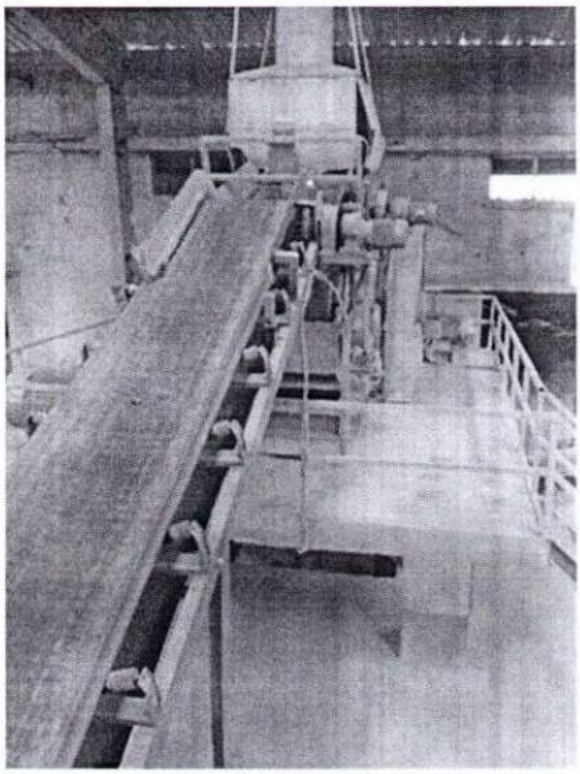

Máy cán thô Bongioanni ITALIA

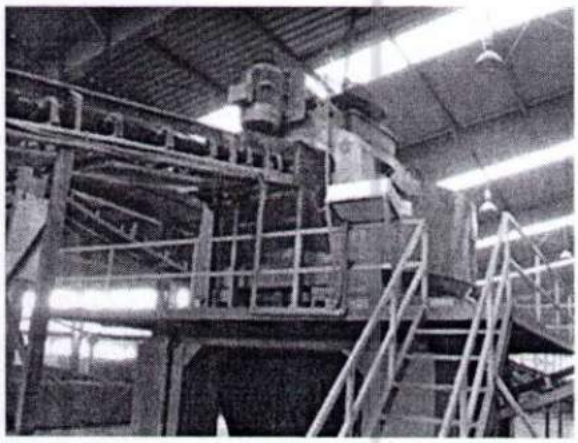

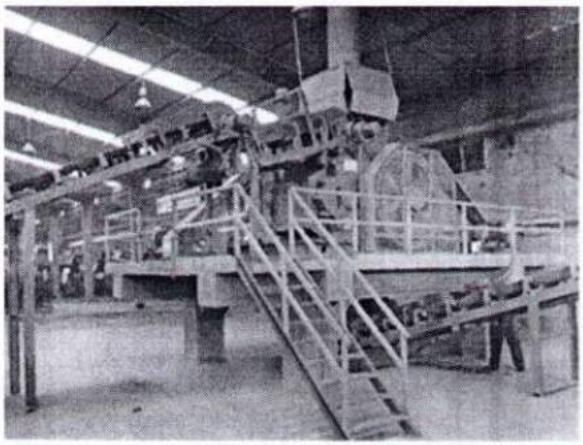

Máy nghiền xa luân và máy cán thô

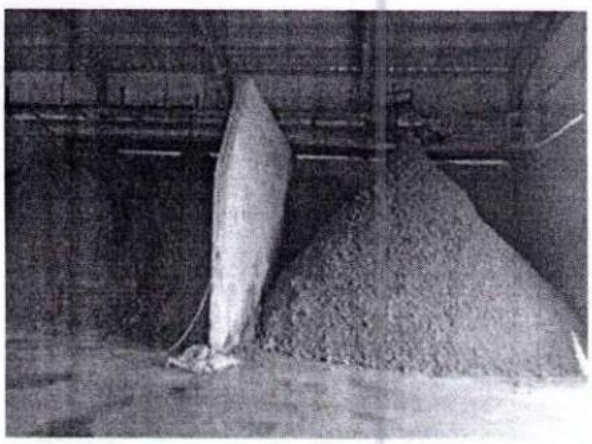

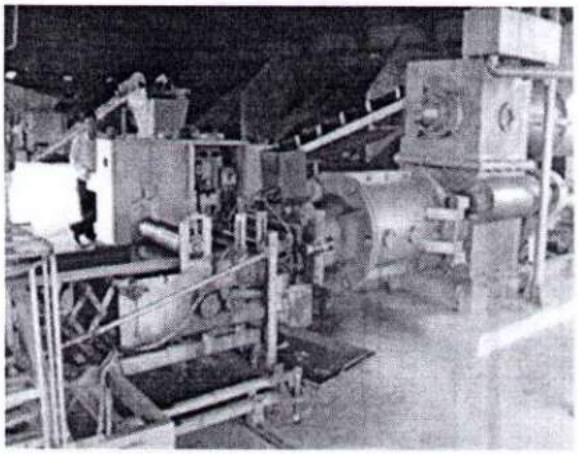

Bể ủ liệu và máy đùn phôi

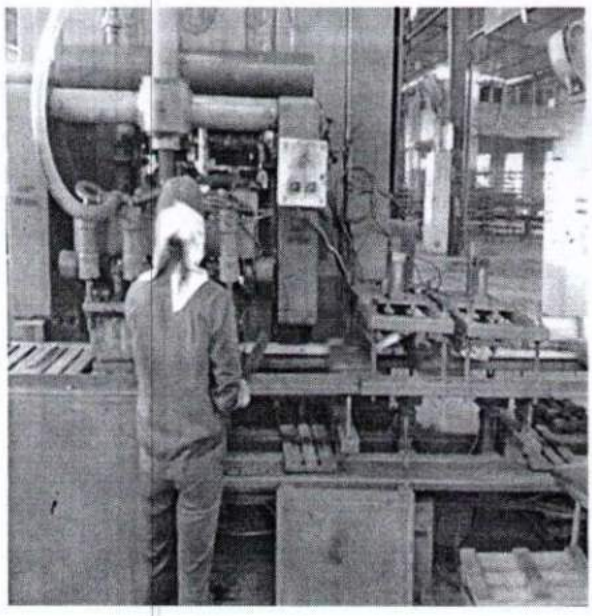

Máy dập ngói Bongioanni – ITALIA 11PV tự động

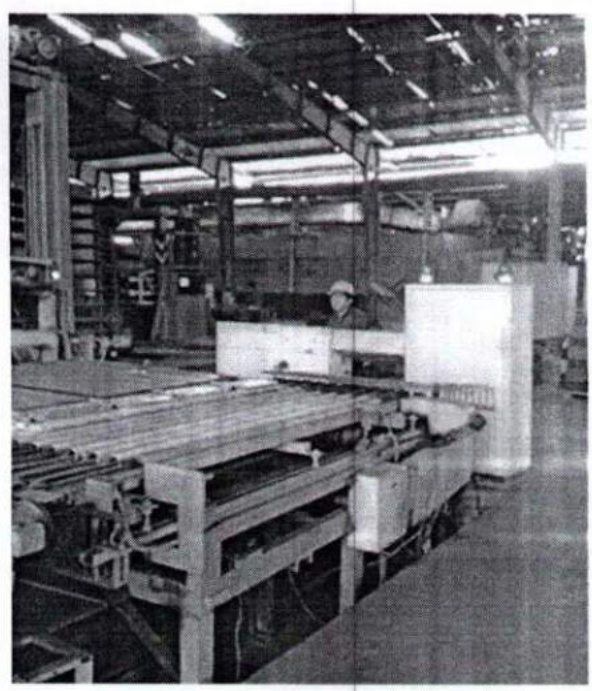

Máy xếp tải hầm sấy tự động ITALIA

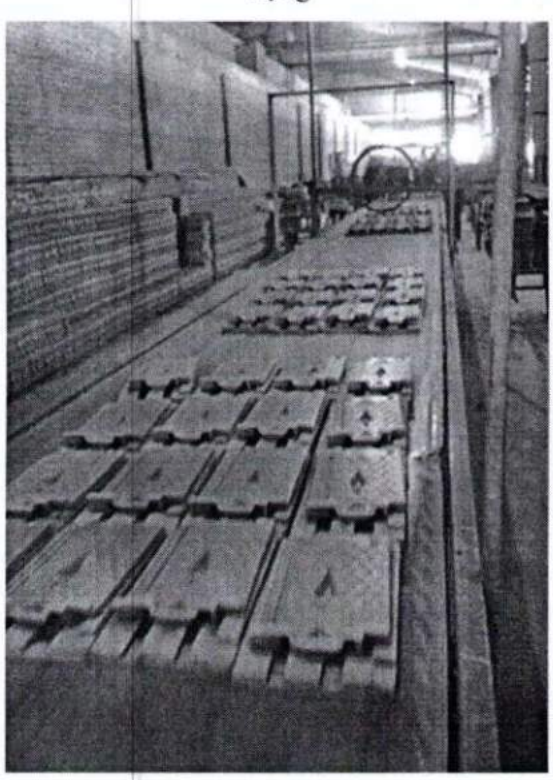

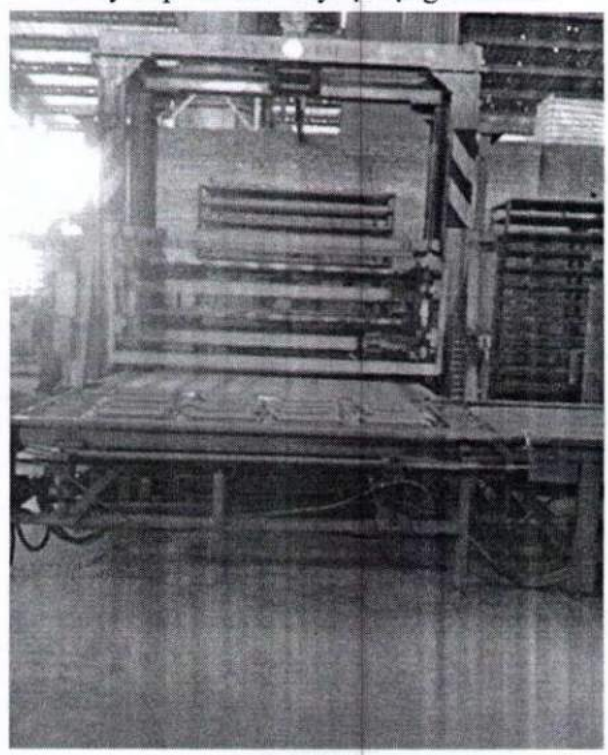

Máy dỡ tải hầm sấy tự động ITALIA

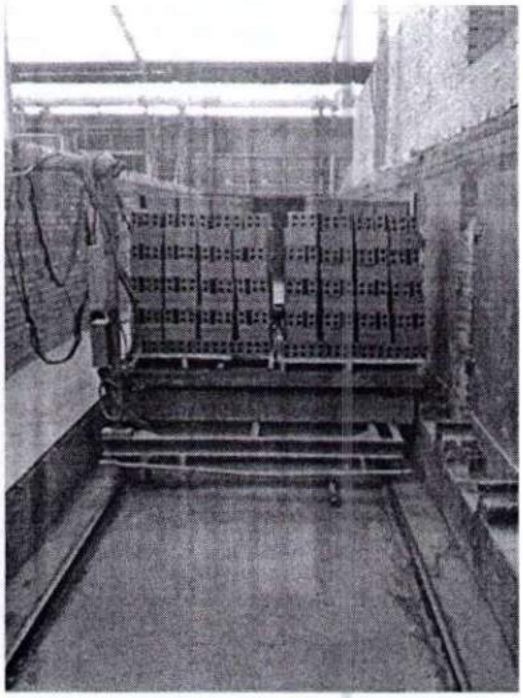

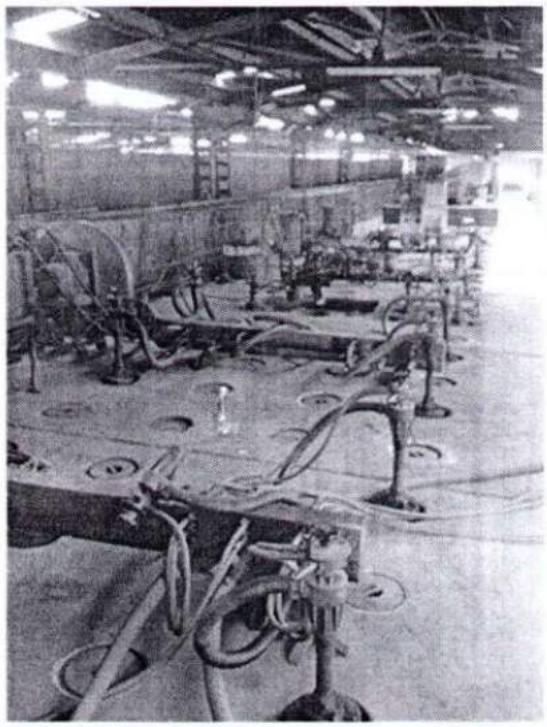

Hầm sấy gạch và hệ thống phun đốt dầu Bernini – ITALIA lò nung

Xe nâng sản phẩm ra lò và chọn sản phẩm

Máy cẩu và tàu vận chuyển hàng

- **Dự án chuyển đổi sản xuất 100% ngói lợp tại Nhà máy Đông Triều 1**

Công nghệ sản xuất được lựa chọn để chuyển đổi tại Nhà máy Đông Triều 1 là công nghệ gia công nghiền khô nguyên liệu, chuyển đổi sản xuất 100% ngói lợp nung cho 3 lò sấy nung tuynel của nhà máy. Nhà máy Đông Triều 1 sản xuất ngói từ đất sét nung với công nghệ gia công nguyên liệu nghiền khô, tạo hình bằng phương pháp dẻo và hệ lò nung hầm sấy tuynel sử dụng nguyên liệu khí hóa than. Đây cũng là công nghệ tốt nhất để sản xuất các sản phẩm ngói lợp và ngói trang trí hiện nay. Công nghệ sản xuất ngói tuynel hiện dại cho phép sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo các điều kiện về môi trường làm việc cho công nhân. Hiện nay, công nghệ này đã và đang được Nhà nước, Bộ Xây Dựng và các tỉnh thành trong cả nước khuyến khích áp dụng nhằm giảm lượng gạch xây sử dụng nhiều nguyên nhiên liệu cũng như thay thế cho các lò thủ công hiện vẫn còn sử dụng rải rác khá nhiều tại một số vùng trong cả nước.

- **Dự án "Trạm khí hóa than nóng tại nhà máy Đông Triều 1"**

Công ty lựa chọn công nghệ và thiết bị khí hóa than do Trung Quốc chế tạo (Lò sinh khí và thiết bị dầu đốt), được nhập khẩu đồng bộ bao gồm cả dịch vụ kỹ thuật kèm theo. Đây là dự án đầu tư chuyển đổi từ đốt dầu FO sang đốt than nhằm mục đích giảm chi phí đầu vào của Nhà máy Đông Triều I, mặt khác chủ động hơn trong việc đảm bảo nguồn cung cấp nhiên liệu cho lò nung Tuynel. Chu trình công nghệ khí hóa than như sau:

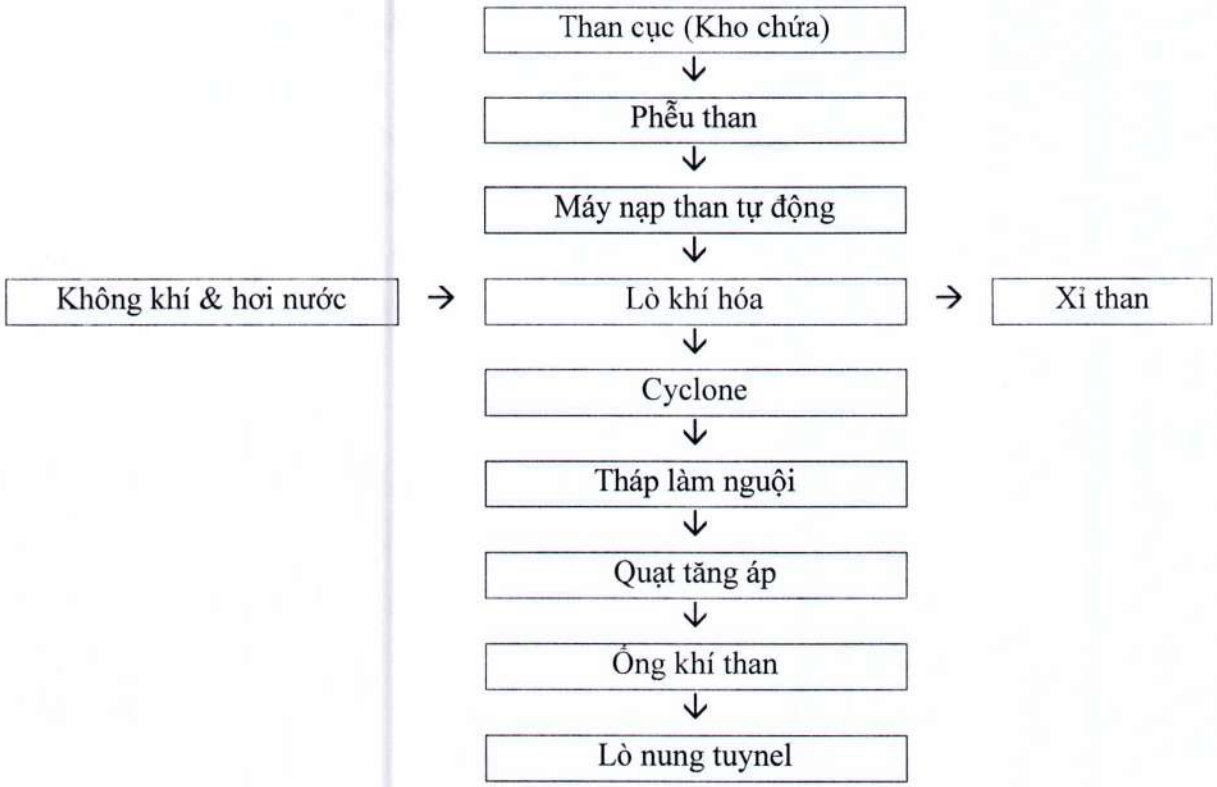

5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Là doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào khâu sản xuất sản phẩm, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới được Công ty đặt lên hàng đầu. Quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm nếu thành công sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh lớn cho doanh nghiệp, là tiền đề để phát triển thương hiệu Công ty. Trong giai đoạn sắp tới, Công ty có chủ trương thực hiện nghiên cứu các nguồn nguyên liệu, sản phẩm sau:

- Nghiên cứu các bài phối liệu để tận dụng nguồn nguyên liệu gạch xây;
- Nghiên cứu chuyển đổi sử dụng nguồn nguyên liệu tại Đông Triều thay cho nguồn nguyên liệu khai thác tại Hạ Long, Hoành Bồ do khoảng cách địa lý thuận lợi hơn đối với các nhà máy;
- Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm ngói tráng men và các loại vật liệu trang trí khác;
- Nghiên cứu, thử nghiệm nghiền tận thu lớp đất pha cát, đá sét tại mỏ nguyên liệu của Công ty làm phụ gia gầy thay thế cát rửa phụ gia tại nhà máy Đông Triều 1.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện tại Công ty đang sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long trên cơ sở ký kết hợp đồng li-xăng nhãn hiệu giữa hai công ty. Bên cạnh việc được hỗ trợ định hướng đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng ngành hàng; các hoạt động hỗ trợ tư vấn trong lựa chọn công nghệ, thiết bị, giải pháp kỹ thuật,... công ty còn cần cam kết phải

tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng áp dụng cho các sản phẩm cũng như các chỉ dẫn về phương thức sử dụng. Các sản phẩm trước khi đưa ra thị trường đều phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chất lượng và chỉ dẫn, được giám sát hoặc kiểm tra chất lượng tại cơ sở sản xuất hoặc bất kỳ nơi nào mà sản phẩm được sản xuất và tiêu thụ theo các quy định của bên giao. Trường hợp sản phẩm không đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng ra thị trường, Công ty sẽ phải thu hồi ngay và chỉ được tiếp tục tiêu thụ các sản phẩm này khi được sửa chữa và khắc phục các thiếu sót về kỹ thuật để đáp ứng Tiêu chuẩn chất lượng.

5.7. Hoạt động Marketing

Từ trước đến hết tháng 05/2014, Công ty vẫn duy trì bộ phận kinh doanh triển khai tập trung các biện pháp để giữ vững các thị trường truyền thống sẵn có (khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Hưng Yên) và đã từng bước mở rộng phát triển thị trường, đi sâu khai thác các thị trường tiềm năng là các khu đô thị, khu kinh tế tại khu vực Đông bắc bộ, từng bước thâm nhập và mở rộng thị trường vào khu vực miền trung như : Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Huế, Quảng Bình, khu vực thị trường phía Tây Bắc; khu vực Đông Bắc tiếp tục củng cố và vững thị trường các tỉnh lân cận: Hải Dương, Bắc Giang, Hưng Yên, Thái Bình, Hải Phòng…

Từ tháng 06/2014, Công ty đã thay đổi phương thức tổ chức hoạt động kinh doanh. Công ty ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH MTV thương mại Viglacera Hạ Long (là đơn vị thành viên với 100% vốn góp của công ty cổ phần Viglacera Hạ Long) về việc bao tiêu sản phẩm do công ty cổ phần Viglacera Đông Triều sản xuất; Hội đồng quản trị đã họp và đồng ý cho công ty bán toàn bộ sản phẩm và bàn giao toàn bộ cán bộ phòng kinh doanh cho Công ty TNHH MTV thương mại Viglacera Hạ Long. Theo đó, toàn bộ sản phẩm sản xuất ra của công ty được bảo tiêu bởi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại Viglacera Hạ Long.

5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Như đã được đề cập ở trên, Công ty ký kết hợp động li-xăng sử dụng các nhãn hiệu đã được đăng ký bởi Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long, cụ thể gồm các nhãn hiệu:

Số Văn bản	Nhãn hiệu	Số đơn	Cấp theo Quyết định	Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu
125041	VIGLACERA HA LONG	4-2005-16161	9621/QĐ-SHTT ngày 18/5/2009	Nhóm 19
133689	VIGLACERA HẠ LONG	4-2005-16162	19953/QĐ-SHTT ngày	Nhóm 19

			24/09/2009	
168283	VIGLACERA HẠ LONG	4-2009-24101	22645/QĐ-SHTT ngày 22/07/2011	Nhóm 19
362880	VIGLACERA HẠ LONG	4-2018-16216	73811/QĐ-SHTT ngày 14/09/2020	Nhóm 35
362906	VIGLACERA HẠ LONG	4-2018-16215	73837/QĐ-SHTT ngày 14/09/2020	Nhóm 35
362907	VIGLACERA HẠ LONG	4-2018-16207	73838/QĐ-SHTT ngày 14/09/2020	Nhóm 35

Công ty được sử dụng không độc quyền các nhãn hiệu trên lãnh thổ phù hợp với cam kết và thỏa thuận trong hợp đồng li-xăng, đồng thời cam kết tuân thủ tuyệt đối mọi chỉ dẫn của Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long về việc sử dụng nhãn hiệu trên sản phẩm và về phương thức quảng bá nhãn hiệu cho các sản phẩm. Tất cả các sản phẩm được Công ty đưa ra thị trường đều được thể hiện nội dung nhãn hiệu và được sử dụng theo li-xăng được cấp.

5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 13. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Đối tác	Sản phẩm	Thời gian kí kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HĐQT, BKS, TGĐ, Phó TGĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long	Gạch ngói đất sét nung	Tháng 01/2021	Theo tháng trong năm 2021	Công ty con của Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long (cổ đông lớn của công ty)	Hợp đồng bao tiêu sản phẩm do Công ty DTC sản xuất theo kế hoạch tiêu thụ dự kiến theo từng tháng trong năm.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2019, 2020 và 06 tháng đầu năm 2021

Bảng 14. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm so với năm 2019	6 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản (*)	365.887.681.226	367.969.890.357	0,57%	339.275.326.564
Vốn chủ sở hữu (*)	90.150.344.415	106.918.363.068	18,60%	108.048.107.313
Doanh thu thuần	310.821.261.520	333.565.620.318	7,32%	132.257.479.674
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.585.571.760	22.996.922.118	47,55%	2.458.405.569
Lợi nhuận khác	28.702.292	(1.577.697.811)	-	1.319.000
Lợi nhuận trước thuế	15.614.274.052	21.419.224.307	37,18%	2.459.724.569
Lợi nhuận sau thuế	12.457.366.142	16.768.018.653	34,60%	1.481.874.845
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	29,82%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	14,84%	17,02%	-	1,38%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Ghi chú: (*) Tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Tổng tài sản của Công ty không có biến động nhiều trong 2 năm gần đây, trong năm 2020 chỉ tăng 0,57% so với năm 2019. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 đạt 106,9 tỷ đồng (tăng 18,60% so với thời điểm 31/12/2019), do công ty ghi nhận lãi trong kỳ 16,77 tỷ đồng. Doanh thu thuần về bán hàng năm 2020 tăng 7,32% so với năm 2019, lợi nhuận trước thuế tăng 37,18%. Đứng trước những khó khăn và thách thức do ảnh hưởng từ diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn khả quan do ngay từ đầu ban lãnh đạo công ty đã chủ động nắm bắt tình hình để đưa ra các giải pháp sản xuất an toàn và bám sát theo các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện, đồng thời việc đầu tư hoàn thiện dây chuyền máy móc tại các nhà máy đã dần đi vào hoạt động ổn định nên năng lực sản xuất của Công ty được cải thiện đáng kể.

Năm 2019, công ty bù lỗ lũy kế nên không chi trả cổ tức cho cổ đông, đến năm 2020 Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt là 5%/ vốn điều lệ (xấp xỉ 30% trên phần lợi nhuận sau thuế), tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 14,84% trong năm 2019 lên 17,02% trong năm

2020. Lợi nhuận khác năm 2020 giảm mạnh, ở mức -1,58 tỷ đồng chủ yếu là do khoản chi phí Công ty nộp phạt và truy thu thuế đã nêu ở trên.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, quy mô tài sản của công ty giảm nhẹ do giảm tỉ trọng nợ vay trước tình hình kinh tế kém tích cực. Điều này cũng ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Doanh thu thuần của Công ty ghi nhận 132,257 tỷ đồng, giảm 24,09% so với cùng kỳ năm 2020 (174,2 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế ghi nhận 1,48 tỷ đồng, giảm 83,30% so với cùng kỳ năm 2020 (8,87 tỷ đồng), nguyên nhân do doanh thu giảm nhưng các chi phí lại duy trì tương đối ổn định, trong đó chi phí lãi vay lại tăng 1,75% so với cùng kỳ năm 2020 (6 tháng năm 2021 là 8,71 tỷ so với 6 tháng năm 2020 là 8,56 tỷ). Nguyên nhân chính sụt giảm doanh thu và lợi nhuận là do ảnh hưởng của dịch Covid-19, khu vực thị xã Đông Triều nằm trong tâm dịch, và hầu hết các địa phương đều thực hiện cách ly nghiêm ngặt nên Công ty đã dừng sản xuất 03 lò tại Nhà máy Đông Triều I trong thời gian 01 tháng do không có lao động, dẫn đến sản lượng sản xuất, doanh thu và lợi nhuận sụt giảm.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động, bao gồm cả yếu tố thuận lợi và khó khăn

Thuận lợi

- Chủ trương của Chính phủ về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng đầu tư thiết bị tái tạo năng lượng từ nguồn năng lượng nhiệt dư thừa trong quá trình sản xuất
- Nguồn nguyên liệu đất phong phú trên địa bàn trong bối cảnh trữ lượng đất sét tại Việt Nam đang dần khan hiếm
- Bề dày kinh nghiệm hơn 50 năm của Công ty với đội ngũ nhân sự chất lượng cao và ổn định, đặc biệt là ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm, đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp đã góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty
- Thị trường xây dựng và bất động sản tăng trưởng trở lại khi tình hình dịch bệnh đang dần được kiểm soát, góp phần tăng nhu cầu về vật liệu xây dựng.
- Uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường và trong mắt người tiêu dùng ngày càng cao và ngày càng được tín nhiệm.

Khó khăn

- Nhu cầu vốn tăng do những áp lực phải đổi mới dây chuyền sản xuất theo chủ trương phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2030, đáp ứng các tiêu chuẩn hiện đại và

thân thiện hơn với môi trường.

- Mức độ cạnh tranh trong ngành vật liệu xây dựng từ đất nung nói riêng và ngành vật liệu xây dựng nói chung là rất gay gắt do biên lợi nhuận thấp, quá trình sản xuất tốn kém và thị phần từng địa phương bị chia nhỏ bởi số lượng lớn doanh nghiệp
- Tình trạng khan hiếm dần nguồn nguyên liệu đất sét.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Với bề dày hơn 50 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều hiện là một trong nhưng đơn vị uy tín hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất gạch và ngói nung. Các sản phẩm gạch ngói của Công ty nằm trong tốp đầu thị phần trên cả nước và đã được xuất khẩu đi một số nước lân cận, góp phần tạo lập vị thế chất lượng và sự tin tưởng trên thị trường.

Một trong những ưu thế vượt trội của Công ty chính là bề dày kinh nghiệm trải dài nửa thế kỷ, là bảo chứng cho các sản phẩm đạt chất lượng cao. Cùng với đó, Công ty đã xây dựng được mạng lưới đối tác, bạn hàng lâu năm với nhiều doanh nghiệp trên thị trường truyền thống Đông Bắc Bộ và đang không ngừng mở rộng phân phối sản phẩm đến các khu vực khác trên cả nước thông qua việc chuyển giao mảng tiêu thụ cho đối tác chuyên biệt. Một lợi thế khác của Công ty là nguồn nguyên liệu đầu vào – nguồn đất sét Quảng Ninh, đã được nhiều chuyên gia đánh giá là đạt chất lượng cao cho các Tiêu chuẩn Việt Nam. Dựa vào lợi thế đó, Công ty đã chủ trương đầu tư nâng cấp các nhà máy, dây chuyền sản xuất nhập khẩu hiện đại hằng năm với các loại máy từ Italia và Ukraina, giúp cho Công ty đạt công suất 220 triệu viên QTC/năm. Với những ưu thế trên, Công ty đã nhận được nhiều sự hợp tác đến từ các đối tác lớn trong khu vực như Tập đoàn TKV, Tập đoàn Tuần Châu, Tập đoàn Hòa Phát, Vinaconex, Licogi,…

Trong giai đoạn tới, ban lãnh đạo Công ty định hướng phát triển chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm cũng như hương tới phát triển bền vững, vừa giữ vững và đẩy mạnh giá trị Công ty, vừa hoàn thành trách nhiệm xã hội của một công ty đại chúng. Để đạt được điều đó, Công ty sẽ liên tục đầu tư, đổi mới quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng lao động, hoàn thiện chất lượng sản phẩm đi kèm với tối ưu hóa chi phí. Công ty sẽ đặc biệt đầu tư cho nguồn nhân lực vì đây được định hướng là nguồn lực quan trọng nhất trong Cách mạng công nghệ 4.0, bằng cách ký kết hợp đồng đào tạo với các trường để tổ chức đào tạo nang cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên và nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho Ban lãnh đạo Công ty. Công ty đánh giá đây sẽ là định hướng phụ hợp với xu thế kinh tế, xã hội chung, vừa phù hợp với triển vọng ngành vật liệu xây dựng trong tương lai.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Sản xuất vật liệu xây dựng bằng đất sét nung là một ngành sản xuất sản phẩm tương đối quan trọng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Hiện tại trên quy mô thế giới, ngành vật liệu xây dựng bằng đất sét nung đã đạt đến điểm bão hòa về quy mô và công nghệ và mang tính tập trung cao. Thực trạng tương tự cũng đang diễn ra ở Việt Nam khi mặc dù nhiều doanh nghiệp, nhà máy đã và đang áp dụng những công nghệ tiên tiến, kĩ thuật hiện đại tiệm cận với tiêu chuẩn thế giới nhưng nguồn cung sản phẩm đang trở nên dư thừa so với nhu cầu của thị trường. Điều đó tạo ra áp lực lớn cho doanh nghiệp trong ngành và cho thấy sự không hiệu quả trong quy hoạch chung của ngành. Bên cạnh đó, các ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung chịu tác động rất lớn từ ngành bất động sản và du lịch, vốn đang có dấu hiệu chững lại về đầu tư sau cơn sốt 2018 – 2019 và tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19.

Nhìn vào chủ trương của Nhà nước, Thủ tướng chính phủ cũng đã ban hành Quyết định 1266/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050. Theo đó, đến năm 2025, các doanh nghiệp trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét nung phải chuyển đổi, nâng cấp các dây chuyền sản xuất lạc hậu. Công suất thiết kế của một dây chuyền không được thấp hơn 20 triệu viên QTC/năm nhưng cũng không vượt quá 25 tỷ viên QTC/năm. Các doanh nghiệp sản xuất cũng cần đảm bảo mức tiêu hao nhiên liệu tối thiểu, đảm bảo về nguồn nguyên liệu cũng như các vấn đề bảo vệ môi trường, bên cạnh đó vẫn hướng tới những dòng sản phẩm hiệu suất cao và hiện đại như đất sét nung rỗng, mỏng, nhẹ, gạch kích thước lớn, gạch không trát,… Bên cạnh đó, chủ trương này cũng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư để kết hợp sản xuất điện từ nguồn nhiệt thừa bằng các chính sách hỗ trợ, cũng như hướng tới kiện toàn hành lang pháp lý cho ngành.

Một cách tổng quan, ngành vật liệu xây dựng bằng đất sét nung cũng đang đứng trước những cơ hội và thách thức rất lớn trong giai đoạn sắp tới với những thay đổi và đứt gãy từ các xu hướng kinh tế mới, diễn biến của đại dịch và triển vọng chung của Việt Nam. Dù áp lực cạnh tranh và thay đổi cho từng doanh nghiệp là rất lớn, dư địa tăng trưởng cho ngành là vẫn còn khi phân khúc thị trường nội địa chưa được khai thác hết và cơ hội xuất khẩu là vẫn tiềm năng. Theo khảo sát của Vietnam Report, nhiều doanh nghiệp trong ngành vật liệu xây dựng và xây dựng cũng đều lạc quan về triển vọng ngành trong năm 2021.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 15. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Chỉ tiêu	Đơn vị	CTCP Viglacera Đông Triều	CTCP Viglacera Hạ Long (mã chứng khoán VHL)	CTCP Create Capital Việt Nam (mã chứng khoán CRC)	CTCP CMC (mã chứng khoán CVT)	CTCP Khang Minh Group (mã chứng khoán GKM)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	333,5	1.898,3	579,9	1.307,4	170
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,8	83,9	4,9	120,6	10,4
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	106,9	673,7	178,8	763,6	180,6
Tổng tài sản	Tỷ đồng	368	1.247	625,7	1.393,9	332,9

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2020 của các công ty

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

7.4.1. Định hướng phát triển công ty

Mục tiêu trọng tâm của Công ty trong năm 2021 đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua:

- Tăng trưởng doanh thu, giá trị sản xuất đạt 90% so với 2020.
- Thực hiện nghiên cứu các bài phối liệu để sử dụng thêm cả nguồn nguyên liệu của gạch xây. Khai thác triệt để công suất của dây chuyền máy móc, thiết bị đảm bảo độ đồng đều và màu sắc, chất lượng sản phẩm trên cơ sở đa dạng nguồn nguyên liệu tại khu vực Đông Triều thay thế dần cho nguồn nguyên liệu tại khu vực Hạ Long, Hoành Bồ nhằm giảm giá thành sản xuất.
- Tiếp tục nghiên cứu thay đổi cơ cấu sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất các loại ngói lợp tráng men, sản phẩm trang trí khác phục vụ tốt công tác bán hàng.
- Khuyến khích cán bộ nhân viên trong công ty trong công tác sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa trong các khâu sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm giảm chi phí.
- Nghiên cứu, thử nghiệm nghiền tận thu lớp đất pha cát, đá sét tại mỏ nguyên liệu của Công ty làm phụ gia gầy thay thế cát rửa phụ gia tại nhà máy Đông Triều 1 để giảm giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục nghiên cứu và tìm giải pháp thực hiện để tiết giảm tiêu hoa nhiên liệu. Rà soát chi phí sản xuất trong đó tập trung vào việc kiểm soát các chi phí lớn như tiêu hao nhiên liệu, điện năng, chi phí sửa chữa lớn và các công cụ dụng cụ có giá trị lớn phục vụ sản xuất thường xuyên và định kỳ.
- Kiểm soát các chi phí sản suất kinh doanh theo kế hoạch, xây dựng các phương ứng phó kịp thời khi có sự điều chỉnh biến động một số chi phí khó kiểm soát như than, dầu, điện.
- Tiếp tực triển khai các biện pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, tồn kho và dư nợ. Cơ cấu lại các khoản vay để đảm bảo nguồn vốn cho SXKD và giảm chi phí tài chính.
- Tổ chức viện phân tích hiệu quả hoạt động SXKD hàng tháng để có phương án điều chỉnh kịp thời những bất cập trong vận hành, điều hành.
- Triển khai đầu tư chiều sâu, bổ sung năng lực sản xuất cho nhà máy Đông Triều 1 (Nhà máy ngói Đông Triều) nhằm đảm bảo duy trì, ổn định và phát triển các mặt hoạt động sản xuất.

Mục tiêu phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều định hướng trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng gắn với mô hình sản xuất hiện đại, tiên tiến mà tiêu biểu sẽ là sản phẩm gạch ngói và gạch nung.

Công ty tập trung đầu tư nâng cấp cả về chất lượng lẫn năng suất sản xuất, bằng việc đầu tư đào tạo, nâng cao tay nghề, năng suất và trình độ của đội ngũ lao động Công ty, cũng như đầu tư xây dựng, nâng cấp các hệ thống dây chuyền sản xuất, xử lý mới vừa tăng hiệu quả sản xuất vừa đảm bảo tiết kiệm nhiên liệu, an toàn với môi trường và hướng tới tái tạo năng lượng trong quá trình sản xuất theo chủ trương của Chính phủ đối với định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng cho giai đoạn 10 năm tới. Công ty cũng sẽ tăng cường kiện toàn bộ máy quản trị nội bộ, nâng cao năng lực đánh giá và quản trị rủi ro trong công tác điều hành doanh nghiệp. Việc tái cơ cấu doanh nghiệp trước những biến động và đứt gãy của thị trường trong trung và dài hạn cũng sẽ được thực hiện nhằm đảm bảo Công ty sẽ phát triển theo đúng lộ trình.

Định hướng phát triển bền vững

Với định hướng trở thành đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng hàng đầu Việt Nam, Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển bền vững, luôn kết hợp và đảm bảo sự cân bằng trong thực hiện mục tiêu kinh tế, môi trường và trách nhiệm xã hội;

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận
- Tạo lập môi trường làm việc thân thiện và an toàn đối với người lao động; nâng cao phát triển năng lực toàn diện cho người lao động, cán bộ công nhân viên.

- Tham gia hoạt động xã hội địa phương, cộng đồng, góp phần thay đổi, cải thiện cuộc sống cộng đồng
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, các yêu cầu pháp lý khác đối với Nhà nước.
- Đảm bảo sản xuất thân thiện với môi trường, tối ưu hóa nguyên và nhiên liệu đầu vào, kiểm soát và xử lý lượng khí thải và chất thải đầu ra. Hướng tới tái tạo năng lượng trên cơ sở nhiệt lượng và vật liệu dư thừa trong quá trình sản xuất.

7.4.2. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với mong muốn trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng từ đất nung, Công ty cho rằng những kế hoạch trong ngắn và dài hạn, cũng như định hướng phát triển bền vững của Công ty, là hoàn toàn phù hợp và thực tế đối với triển vọng phát triển cũng như chủ trương Chính phủ đối với ngành. Các mục tiêu đầu tư phát triển năng lực sản xuất và trình độ lao động là cần thiết trong bối cảnh áp lực cạnh tranh lớn và dư cung. Việc Công ty thông qua kế hoạch sản xuất 2021 giảm so với 2020 là để điều chỉnh trước những tác động của dịch bệnh. Trong dài hạn, khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng bất động sản và ngành vật liệu xây dựng trở lại chu kì ổn định, Công ty sẽ tiếp túc tận dụng được các lợi thế thông qua các định hướng trên để đảm bảo tăng giá trị tài sản của các cổ đông cũng như đảm bảo phát triển bền vững, đồng thời hài hòa lợi ích đối với các bên liên quan của Công ty.

8. Chính sách đối với người lao động

Bảng 16. Cơ cấu lao động trong Công ty tại ngày 31/08/2021

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học	59	8.03
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	72	9.80
3	Trình độ Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	345	46.94
4	Công nhân phổ thông và lao động khác	259	35.24
Tổng số		**735**	**100**

(Nguồn: CTCP Viglacera Đông Triều)

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 8.850.000 đồng/người/tháng
- Số giờ lao động trung bình mỗi năm: 2.507 giờ/người/năm
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
  + Thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động, chế độ tai nạn lao động
  + Thực hiện định kỳ và đầy đủ công tác khám chữa bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ

+ Thực hiện đầy đủ chế độ về BHXH; BHYT; BHTN
+ Chế độ bồi dưỡng độI hại, nước uống, nghỉ mát, trợ cấp hoàn cảnh khó khăn
+ Quan trắc môi trường lao động, môi trường xung quanh sản xuất.

– Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:
+ Các chương trình đào tạo nâng cao trình độ học vấn, tay nghề: đào tạo nâng bậc thợ, sơ cấp nghề, cao đẳng nghề cho công nhân
+ Các chương trình đào tạo bổ sung kiến thức, kỹ năng nghề cho cán bộ nhân viên phòng nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật: kiến thức kỹ năng nghề, nghiệp vụ lao động tiền lương, kỹ năng giao tiếp hội nhập quốc tế, quản lý dự án đầu tư xây dưng công trình, quản lý công nghệ trình sản xuất, văn hóa doanh nghiệp.
+ Các chương trình đào tạo khác

9. Chính sách cổ tức

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Nguồn để trả cổ tức là lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ và bũ đắp hết lỗ trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét đến kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau

Bảng 17. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua	Tỷ lệ cổ tức đã chi trả	Hình thức
2019	Tỷ lệ chi trả cổ tức là 0% (bù đắp lỗ lũy kế)	-	-
2020	Chi trả cổ tức bằng 5% vốn điều lệ	5% (Chi trả trong Tháng 09/2021)	Bằng tiền
2021	Dự kiến chi trả cổ tức bằng 5% vốn điều lệ	-	Bằng tiền

(Nguồn: CTCP Viglacera Đông Triều)

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với quy định tại thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/04/2014 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể các loại tài sản như sau:

Bảng 18. Thời gian khấu hao TSCĐ

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật dụng kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phần mềm kế toán	10

(Nguồn: CTCP Viglacera Đông Triều)

Với tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị phụ vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất được trích khấu hao theo phương pháp sản lượng. Phương pháp trích khấu hao này đã được Công ty thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ.

Mức lương bình quân

Bảng 19. Mức lương bình quân của người lao động

Đơn vị: đồng/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Kế hoạch 2021
Số lượng lao động bình quân (người)	776	747	752
Mức lương bình quân	8.837.900	8.850.000	8.898.000

(Nguồn: CTCP Viglacera Đông Triều)

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Năm 2020, Công ty có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán là khoản chi phí lãi vay phải trả Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long, do Công ty khó khăn về tài chính, không còn hạn mức vay các tổ chức ngân hàng, nên Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long đã cho Công ty vay tiền tính lãi, để bổ sung vốn lưu động duy trì sản xuất kinh doanh. Công ty đã tiến hành chi trả khoản này trong Quý II/2021, tính đến 30/06/2021, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với bên có liên quan.

Công ty đã thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính đến thời điểm 30/06/2021 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và các loại thuế khác phải nộp theo quy định của Nhà nước, cụ thể:

Bảng 20. Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế giá trị gia tăng	-	935.747.372	4.925.847.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.156.907.910	1.262.501.118	870.258.855
Thuế thu nhập cá nhân	34.131.708	25.956.758	15.920.907
Thuế tài nguyên	1.107	199.735.980	43.401.180
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	832.839.113
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.615.800	5.348.200
Tổng	**2.191.040.725**	**2.448.557.028**	**6.693.615.689**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Trong năm 2020, công ty phát sinh khoản bị phạt và truy thu thuế tương đương 1.619.748.811 đồng, cụ thể bao gồm:

- Số tiền truy thu thuế : 1.192.572.892 đồng, trong đó
  + Thuế GTGT : 873.761.871 đồng là do khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào không đúng quy định dẫn đến khai sai làm thiếu tiền thuế GTGT phải nộp
  + Thuế TNDN : 318.811.021 đồng là do hạch toán chi phí được khấu trừ khi xác định TNCT không đúng quy định dẫn đến làm giảm tiền thuế TNDN phải nộp.
- Số tiền phạt vi phạm : 273.514.579 đồng
- Số tiền chậm nộp : 153.661.340 đồng

Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt và tiến hành nộp đầy đủ số thuế phải nộp theo quy định.

Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ công ty, trình tự phân phối lợi nhuận là sau khi bù đắp lỗ các năm trước, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật quy định và chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết (nếu có) thì công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông và trích lập các quỹ.

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp

thường niên hàng năm. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận.

Bảng 21. Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ khen thưởng phúc lợi	31.444.672	31.444.672	378.775.272
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	704.261.300
Tổng	**31.444.672**	**31.444.672**	**1.083.036.572**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập 10% từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11/2021/NQ-ĐHĐCĐ.DTC ngày 31/03/2021 của Công ty.

Tổng dư nợ vay

Bảng 22. Các khoản vay của Công ty

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**80.110.456.619**	**101.515.471.507**	**86.160.923.508**
- Vay ngắn hạn	73.069.027.187	91.605.593.367	77.188.545.368
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	7.041.429.432	9.909.878.140	8.972.378.140
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**114.708.224.894**	**98.311.832.152**	**101.428.814.082**
- Vay dài hạn	120.445.019.894	107.351.954.000	109.748.875.000
- Nợ thuê tài chính dài hạn	1.304.634.432	869.756.292	652.317.222
- Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.041.429.432)	(9.909.878.140)	(8.972.378.140)
Tổng	**194.818.681.513**	**199.827.303.659**	**187.589.737.590**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Bảng 23. Chi tiết các khoản vay của Công ty tại thời điểm 30/06/2021

Khoản mục	Thời gian đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Giá trị nợ còn lại (đồng)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			**77.188.545.368**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Đông Triều	12 tháng	Thế chấp bằng TSCĐ và hàng tồn kho	40.646.864.063
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Uông Bí	12 tháng	Thế chấp bằng tài sản cố định	11.775.379.792

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Nam Quảnh Ninh	12 tháng	Thế chấp bằng tài sản cố định	7.846.061.345
Ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Quảng Ninh	12 tháng	Thế chấp bằng tài sản cố định	9.310.481.568
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – chi nhánh Quảng Ninh	12 tháng	Thế chấp bằng tài sản cố định	1.651.200.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hạ Long	12 tháng	Đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn	5.958.558.600
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			**101.428.814.082**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Đông Triều			34.524.300.000
- Hợp đồng tín dụng số 8003LAV-201900211 ngày 15/01/2019	*2025*	*Thế chấp bằng TSCĐ hình thành sau đầu tư dự án*	*16.864.000.000*
- Hợp đồng tín dụng số 8003LAV-201901360 ngày 26/04/2019	*2024*	*Thế chấp bằng TSCĐ hình thành sau đầu tư dự án*	*17.660.300.000*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Nam Quảnh Ninh theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2017 ngày 09/02/2018	2026	Thế chấp bằng TSCĐ hình thành bằng vốn vay và vốn tự có	7.812.500.000
Thuê tài chính – Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			652.317.222
Trần Thị Toản	Theo thỏa thuận	Tín chấp	23.074.119.000
Trần Văn Mạnh	Theo thỏa thuận	Tín chấp	8.413.511.000
Vay cá nhân, tổ chức khác	Theo thỏa thuận	Tín chấp	35.924.445.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(8.972.378.140)

(Nguồn: BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Các khoản vay dài hạn với cá nhân là các khoản vay tín chấp với thời hạn và lãi suất thỏa thuận với các cá nhân cho vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Bên cho vay và công ty ký kết các hợp đồng vay vốn trên cơ sở nhu cầu của hai bên, hết thời hạn hợp đồng, căn cứ vào nhu cầu của hai bên sẽ tiến hành gia hạn hợp đồng vay. Thời gian tới hạn của các khoản vay sau khi đã được gia hạn hợp đồng tùy thuộc vào nhu cầu của Bên cho vay và tuân thủ theo quy định về thủ tục rút vốn vay và thanh lý của từng hợp đồng. Mức lãi suất hiện tại áp dụng chung với các khoản vay này là 10,5%. Công ty sẽ đàm phán và quyết định lãi suất vay với từng đối tượng cho vay theo hợp đồng và theo từng thời điểm. Một số hợp đồng vay có giá trị lớn như sau:

Bảng 24. Một số khoản vay dài hạn với cá nhân của Công ty tại thời điểm 30/06/2021

STT	Đối tượng	Thời gian bắt đầu vay	Thời hạn hợp đồng vay	Lãi suất vay hiện tại /năm	Giá trị hợp đồng vay	Số dư khoản vay tại 30/06/2021 (*)
1	**Trần Thị Toản**				**15.000.000.000**	**23.074.119.000**
1.1	Hợp đồng vay vốn số 31/HĐVV-DTC	23/10/2014	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	3.000.000.000	5.783.796.000
1.2	Hợp đồng vay vốn số 66/HĐVV-DTC	24/12/2014	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	1.500.000.000	2.890.080.000
1.3	Hợp đồng vay vốn số 59B/HĐVV-DTC	07/04/2017	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	2.000.000.000	2.969.495.000
1.4	Hợp đồng vay vốn số 34/HĐVV-DTC	08/11/2017	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	3.000.000.000	4.239.240.000
1.5	Hợp đồng vay vốn số 37/HĐVV-DTC	01/02/2018	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	2.500.000.000	3.444.231.000
1.6	Hợp đồng vay vốn số 47/HĐVV-DTC	20/03/2019	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	3.000.000.000	3.747.277.000
2	**Trần Văn Mạnh**				**7.000.000.000**	**8.413.511.000**
2.1	Hợp đồng vay vốn số 38/HĐVV-DTC	31/03/2015	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	1.000.000.000	1.843.446.000
2.2	Hợp đồng vay vốn số 68/HĐVV-DTC	30/10/2015	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	850.000.000	850.000.000
2.3	Hợp đồng vay vốn số 51/HĐVV-DTC	07/05/2019	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	500.000.000	610.760.000
2.4	Hợp đồng vay vốn số 58/HĐVV-DTC	14/10/2019	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	1.650.000.000	1.931.405.000
2.5	Hợp đồng vay vốn số 59/HĐVV-DTC	17/08/2020	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	2.000.000.000	2.154.671.000
2.6	Hợp đồng vay vốn số 61/HĐVV-DTC	24/02/2021	13 tháng và tự động gia hạn sau mỗi 13 tháng	10,50%	1.000.000.000	1.023.229.000

Tổng cộng	**22.000.000.000**	**31.487.630.000**

(Nguồn: CTCP Viglacera Đông Triều)

(*) Số dư khoản vay tại thời điểm 30/06/2021 bằng số dư nợ gốc cộng với tiền lãi cho vay (nếu bên cho vay không nhận tiền lãi của kỳ cho vay)

Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 25. Các khoản phải thu

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	**2.031.994.308**	**1.169.998.705**	**1.890.321.718**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.344.513.153	5.374.518.032	5.371.518.032
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.672.066.018	841.391.952	1.610.059.768
Các khoản phải thu khác (*)	4.511.242.574	4.114.741.093	4.022.396.290
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.495.827.437)	(9.160.652.372)	(9.113.652.372)
Các khoản phải thu dài hạn	**80.000.000**	**80.000.000**	**80.000.000**
Phải thu dài hạn khác	80.000.000	80.000.000	80.000.000
Tổng	**2.111.994.308**	**1.249.998.705**	**1.970.321.718**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

(*) Các khoản phải thu khác của Công ty là các khoản tạm ứng, khoản Bảo hiểm xã hội thu người lao động, và phải thu với một số đối tượng khác.

Các khoản nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản thu và khoản cho vay đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, bao gồm:

Bảng 26. Các khoản nợ xấu của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Chi tiết khoản nợ	Giá gốc tại 31/12/2020	Giá gốc tại 30/06/2021
Nguyễn Văn Tường	Phải thu do đầu tư xây dựng nhà máy gạch cho Công ty cổ phần XD và dịch vụ thương mại Sông La, nay đã nghỉ việc ở Công ty nên khó có khả năng thu hồi	2.431.708.866	2.411.708.866
Nguyễn Quốc Huynh	Phải thu do là nhân viên bán hàng của Công ty nên đã dẫn đến nợ tiền trong quá trình bán	1.032.683.865	1.032.683.865

	hàng, nay đã nghỉ việc ở Công ty nên khó có khả năng thu hồi		
Vũ Thái Sơn	Phải thu do là nhân viên bán hàng của Công ty nên đã dẫn đến nợ tiền trong quá trình bán hàng, nay đã nghỉ việc ở Công ty nên khó có khả năng thu hồi	886.003.555	886.003.555
Các đối tượng khác	Các khoản phải thu khác khó đòi do nhân viên đã nghỉ việc, nên khó có khả năng thu hồi	4.810.256.086	4.783.256.086
Tổng cộng		**9.160.652.372**	**9.113.652.372**

Các khoản phải thu nêu trên đều đã quá hạn thanh toán trên 03 năm và được đánh giá khó có khả năng thu hồi. Công ty đã trích lấp dự phòng các khoản phải thu khó đòi này bằng 100% giá trị được ghi nhận trên sổ sách kế toán của Công ty.

Bảng 27. Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	**161.029.111.917**	**162.739.695.137**	**129.798.405.169**
Phải trả người bán ngắn hạn	48.243.979.380	24.468.171.417	17.209.136.712
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.136.260.026	10.200.077.668	4.634.850.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.191.040.725	2.448.557.028	6.693.615.689
Phải trả người lao động	17.797.499.942	17.673.533.120	10.008.477.100
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.746.580.788	3.313.809.956	3.042.884.103
Phải trả ngắn hạn khác	4.637.272.265	3.088.629.769	1.272.328.277
Dự phòng phải trả ngắn hạn	134.577.500	-	397.414.485
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	80.110.456.619	101.515.471.507	86.160.923.508
Quỹ khen thưởng phúc lợi	31.444.672	31.444.672	378.775.272
Nợ dài hạn	**114.708.224.894**	**98.311.832.152**	**101.428.814.082**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	114.708.224.894	98.311.832.152	101.428.814.082
Tổng	**275.737.336.811**	**261.051.527.289**	**231.227.219.251**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Hàng tồn kho

Bảng 28. Hàng tồn kho

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nguyên liệu, vật liệu	67.267.893.628	79.787.295.769	76.018.270.784
Công cụ, dụng cụ	1.290.260.937	1.113.236.410	1.021.564.021
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.664.640.391	2.723.175.223	2.708.928.221
Thành phẩm	53.263.249.741	60.504.479.487	51.971.123.184
Tổng	**124.486.044.697**	**144.128.186.889**	**131.719.886.210**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020 BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Toàn bộ hàng tồn kho cuối kỳ đã được dùng để thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay của công ty

Đầu tư tài chính ngắn và dài hạn

Bảng 29. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Đầu tư nắm giữa đến ngày đáo hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn	2.250.287.549	3.384.392.475	3.475.176.236
II. Đầu tư tài chính dài hạn			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
Đầu tư và Công ty cổ phần Cầu Xây	110.000.000	110.000.000	110.000.000
Tổng	**2.360.287.549**	**3.494.392.475**	**3.585.176.236**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019,2020 BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Các khoản Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 – 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hạ Long và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quản Ninh, thời gian đáo hạn trong năm 2021 với lãi suất dao động từ 3,9% đến 6,8%. Các khoản tiền này cũng được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

Khoản Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Cầu Xây tương ứng với 11.000 cổ phần, chiếm 1,099% vốn điều lệ tại Công ty này.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ Ngắn hạn)	Lần	0,91	1,01
- Hệ số thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	Lần	0,13	0,13
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,75	0,71
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	3,06	2,44
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá vốn hàng bán /hàng tồn kho bình quân)	Lần	2,52	2,10
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,85	0,91
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,01%	5,03%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân (ROE)	%	14,84%	17,02%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân (ROA)	%	3,81%	4,57%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	5,01%	6,89%

(Nguồn: Số liệu để tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2019,2020 của CTCP Viglacera Đông Triều)

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Hội đồng quản trị

Bảng 31. Danh sách Thành viên HĐQT Công ty

Họ và tên	Chức vụ

Trần Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT
Trần Duy Hưng	Thành viên HĐQT
Ngô Thành Tùng	Thành viên HĐQT
Trần Thành	Thành viên HĐQT – Giám đốc điều hành
Vương Văn Sáng	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc

11.1.1. Ông Trần Hồng Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Trần Hồng Quang	
- Giới tính	Nam	
- Năm sinh	1970	
- Quê quán	Ứng Hòa, Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu	001070011522 do Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC cấp ngày 16/03/2017	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	Tổ 6, khu 1, phường Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990-1994	Nhà máy gạch Hạ Long	Công nhân
1995-1996	Nhà máy gạch Tiểu Giao - Công ty Gốm xây dựng Hạ Long	Công nhân
1997-1998	Phòng kinh doanh Công ty Gốm xây dựng Hạ Long	Nhân viên tiếp thị
1998-2001	Công ty Gốm xây dựng Hạ Long	Phó phòng kinh doanh
2002-2005	Công ty Gốm xây dựng Hạ Long	Trưởng phòng kinh doanh
2005- 03/2006	Công ty Gốm xâydựng Hạ Long	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh

03/2006-12/2011	Công ty CP Viglacera Hạ Long	Phó Tổng Giám đốc
01/2012-06/2012	Công ty CP Viglacera Hạ Long	Chủ tịch HĐQT
01/2011 đến nay	Công ty CP Viglacera Đông Triều	Chủ tịch HĐQT
07/2012 đến nay	Công ty CP Viglacera Hạ Long	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	450.000 cổ phần, chiếm 4,5% vốn điều lệ	
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	+ Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (ông Quang là Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, đồng thời đại diện sở hữu cổ phần tại DTC) sỡ hữu 4.000.000 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ + Ông Đào Bá Dong (bố vợ) sở hữu 899.402 cổ phần, chiếm 8,99% vốn điều lệ	
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	2.000.000 cổ phần (Đại diện sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long), chiếm 20% vốn điều lệ	
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao Chủ tịch HĐQT	
- Các khoản nợ đối với công ty	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	

11.1.2. Ông Trần Duy Hưng – Thành viên HĐQT

- Họ và tên	Trần Duy Hưng
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1975
- Quê quán	Hạ Long, Quảng Ninh
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	100850989 do CA Quảng Ninh cấp ngày 06/05/2014

- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	Tổ 9, khu 1B, Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng	
- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1999-10/1999	Nhà máy gạch Tiêu Giao-Công ty xây dựng gốm Hạ Long	Đốc công Phân xưởng
10/1999-03/2003	Công ty xây dựng gốm Hạ Long	Phó phòng kỹ thuật công nghệ
03/2003-05/2005	Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy - Công ty xây dựng gốm Hạ Long	Phó giám đốc nhà máy
05/2005-07/2010	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Bí thư đoàn thanh niên (chuyên trách)
07/2010-05/2014	Công ty cổ phần gạch Clinker Viglacera	Phó Tổng giám đốc Công ty
05/2014-12/2014	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Giám đốc phòng quản lý công nghệ
01/2015-12/2016	Nhà máy gạch Tiêu Giao - Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Giám đốc nhà máy
12/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Phó tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc nhà máy gạch Tiêu Giao
03/2017 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	30.000 cổ phần, chiếm 0,3% vốn điều lệ	

- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (ông Hưng là Phó Tổng Giám đốc đồng thời đại diện sỡ hữu cổ phần tại DTC) 4.000.000 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	1.000.000 cổ phần (Đại diện sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long), chiếm 10% vốn điều lệ
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao Thành viên HĐQT
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

11.1.3. Ông Ngô Thanh Tùng – Thành viên HĐQT

- Họ và tên	Ngô Thanh Tùng	
- Giới tính	Nam	
- Năm sinh	1978	
- Quê quán	Hạ Long, Quảng Ninh	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Số CMND/ Hộ chiếu	100696395 do CA tỉnh Quảng Ninh – cấp ngày 29/06/2006	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	Anh Đào 10-8, Vinhomes Riverside Long Biên, Hà Nội	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ QTKD	
- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2005	Công ty Vinatex	Kế toán viên
2005-2011	Công ty cổ phần Viglacera hạ Long	Phó Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh kiêm Giám đốc chi nhánh Miền trung
2011-2014	Công ty cổ phần Viglacera hạ Long	Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh
2014 đến nay	Công ty TNHH MTV thương mại Viglacera hạ Long	Tổng Giám đốc Công ty
03/2017 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Thành viên HĐQT

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	156.000 cổ phần, chiếm 1,56% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (ông Tùng là đại diện sở hữu vốn) sỡ hữu 4.000.000 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	1.000.000 cổ phần (Đại diện sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long), chiếm 10% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao thành viên HĐQT
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

11.1.4. Ông Trần Thành – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành

- Họ và tên	Trần Thành	
- Giới tính	Nam	
- Năm sinh	25/12/1978	
- Quê quán	Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Số CMND/ Hộ chiếu	013660989 do CA Hà Nội cấp ngày 28/12/2013	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	1202 – CC25T1 – N05 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ QTKD	
- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2002-01/2004	Công ty gốm xây dựng Hạ Long	Nhân viên phòng kinh doanh
02/2004-08/2005	Công ty gốm xây dựng Hạ	Trưởng Chi nhánh miền nam

	Long	phòng kinh doanh
09/2005	Công ty gốm xây dựng Hạ Long	Trưởng phòng kinh doanh
10/2005-12/2009	Xí nghiệp kinh doanh – Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Phó Giám đốc xí nghiệp
01/2010-04/2012	Công ty cổ phần gốm Đất Việt	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
05/2012-01/2014	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Phó Giám đốc Công ty
01/2014 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Giám đốc Công ty
04/2014 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có	
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần	
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Ông Vũ Đức Tỵ (bố vợ) sở hữu 515.040 cổ phần, chiếm 5,15% vốn điều lệ	
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao thành viên HĐQT, Lương Giám đốc điều hành	
- Các khoản nợ đối với công ty	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	

11.1.5. Ông Vương Văn Sáng – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty

- Họ và tên	Vương Văn Sáng
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	11/02/1976
- Quê quán	Hạ Long, Quảng Ninh

- Quốc tịch	Việt Nam	
- Số CMND/ Hộ chiếu	101099578 do CA – cấp ngày 26/03/2008	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	Tổ 7, Khu 1, phường Giếng Đáy, Tp.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí; Thạc sỹ QTKD	
- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000-2003	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Chuyên viên
2003-2005	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Nhân viên Phòng kỹ thuật
2005-2006	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Trưởng Phòng kỹ thuật
2006-2010	Nhà máy gạch Hoành Bồ- Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Phó giám đốc nhà máy
2010-2011	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Giám đốc Phòng kế hoạch kỹ thuật
2011-2012	Nhà máy gạch Hoành Bồ- Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Phó giám đốc nhà máy
2012 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Phó giám đốc công ty
05/2015 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có	
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	10.000 cổ phần, chiếm 0,1% Vốn điều lệ	
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Bà Nguyễn Thị Quyên (vợ ông Sáng) nắm giữ 72.800 cổ phần, chiếm 0,728% Vốn điều lệ	

- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

11.2. Ban Kiểm soát

Bảng 32. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Phùng Dương	Trưởng Ban kiểm soát
Bùi Thị Thanh Nga	Thành viên Ban kiểm soát
Hoàng Thị Xuân Hương	Thành viên Ban kiểm soát

11.2.1. Ông Phạm Phùng Dương – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên	Phạm Phùng Dương	
- Giới tính	Nam	
- Năm sinh	1978	
- Quê quán	Quảng Ninh	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Số CMND/ Hộ chiếu	022078001314 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC – cấp ngày 07/03/2018	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	Số 7 Lương Sử A, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán tổng hợp	
- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2000-07/2003	Xí nghiệp thiết kế - Công ty CP phát triển công trình viễn thông	Kế toán viên
08/2003-06/2007	Xí nghiệp Xây lắp số 1 –	Phụ trách kế toán

	Công ty CP phát triển công trình viễn thông	
07/2007-12/2009	Công ty CP Cáp Việt Nhật	Trưởng phòng kinh doanh
01/2010 đến nay	Công ty TNHH MTV thương mại Viglacera Hạ Long	Giám đốc thị trường khu 4
03/2017 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban Kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc thị trường khu 4 tại Công ty Công ty TNHH MTV thương mại Viglacera Hạ Long	
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	60.000 cổ phần, chiếm 0,6% vốn điều lệ	
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần	
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao Trưởng Ban kiểm soát	
- Các khoản nợ đối với công ty	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	

11.2.2. Bà Bùi Thị Thanh Nga – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên	Bùi Thị Thanh Nga
- Giới tính	Nữ
- Năm sinh	1978
- Quê quán	Sóc Sơn, Hà Nội
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	011906500 do CA Hà Nội – cấp ngày 21/07/2012
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Xóm Bộ - Xã Phù Đổng – Huyện Gia Lâm – TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ QTKD

- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1999 -02/2009	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Nhân viên phòng tài chính kế toán
03/2009-10/2009	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Phó Giám đốc Phòng tài chính kế toán
11/2009-02/2011	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Phụ trách Phòng tài chính kế toán
03/2011-02/2012	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Giám đốc Phòng tài chính kế toán
03/2012-08/2012	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Phó Ban kinh tế TCHC NM Gạch Cotto
09/2012 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Bí thư chi bộ, Giám đốc Xí nghiệp đời sống
04/2013 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long	Ủy viên BKS
04/2013 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Ủy viên BKS
04/2014 đến nay	Công ty cổ phần gạch Cinhker Viglacera	Trưởng BKS
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần gạch Cinker Viglacera; Bí thư chi bộ, Giám đốc Xí nghiệp đời sống, Ủy viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long;	
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	10.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ	
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Ông Nguyễn Hồng Hải (chồng bà Nga) sở hữu 32.000 cổ phần (chiến 0,32% vốn điều lệ) Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (bà Nga là ủy viên Ban Kiểm soát) sở hữu 4.000.000 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ	
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	
- Thù lao, tiền lương và các lợi	Thù lao thành viên Ban kiểm soát	

ích khác	
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

11.2.3. Bà Hoàng Thị Xuân Hương – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên	Hoàng Thị Xuân Hương	
- Giới tính	Nữ	
- Năm sinh	1972	
- Quê quán	Tiên Yên – Quảng Ninh	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Số CMND/ Hộ chiếu	022172002847 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 01/03/2019	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	Số 261, tổ 3, khu Hoàng Hoa Thám, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-06/2002	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Nhân viên kế toán
06/2002-03/2011	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Trưởng ban tài chính nhà máy Đông Triều II
03/2011-01/2013	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Trưởng ban tài chính nhà máy Đông Triều I
05/2012 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Thành viên Ban Kiểm soát.
02/2013 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Phó Giám đốc nhà máy Đông Triều I
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Giám đốc nhà máy Đông Triều I	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có	

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	38.800 cổ phần, chiếm 0,388% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao thành viên Ban kiểm soát
- Các khoản nợ đối với công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

11.3. Ban giám đốc

Bảng 33. Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Trần Thành	Giám đốc
Vương Văn Sáng	Phó Giám đốc điều hành sản xuất
Nguyễn Đức Sơn	Phó Giám đốc điều hành sản xuất

11.3.1. Ông Trần Thành – Giám đốc điều hành

Xem sơ yếu lý lịch tại phần Hội đồng quản trị

11.3.2. Ông Vương Văn Sáng – Phó Giám đốc điều hành sản xuất

Xem sơ yếu lý lịch tại phần Hội đồng quản trị

11.3.3. Ông Nguyễn Đức Sơn - Phó Giám đốc điều hành sản xuất

- Họ và tên	Nguyễn Đức Sơn
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	14/06/1964
- Quê quán	Văn Giang, Ninh Giang, Hải Dương
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	030064004847 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 18/03/2019
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Hồng Phong, Đông Triều, Quảng Ninh

- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công nghệ vật liệu silicat	
- Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1987-06/2000	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Công nhân
06/2000-03/2002	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Đốc côngPhân xưởng 1
03/2002-05/2004	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Trưởng phòng kỹ thuật
05/2004-11/2005	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Phó Giám đốc Nhà máy Đông Triều 1
11/2005-02/2012	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Giám đốc Nhà máy Đông Triều 1
02/2012-09/2012	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Trưởng Phòng kỹ thuật
09/2012-02/2014	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Giám đốc Nhà máy Đầm Hà
02/2014 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Giám đốc Công ty	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có	
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	20.800 cổ phần, chiếm 0,208% vốn điều lệ	
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần	
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Lương Phó Giám đốc	
- Các khoản nợ đối với công ty	Không có	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có	

11.4. Kế toán trưởng

- Họ và tên	Dương Đức Vĩ	
- Giới tính	Nam	
- Năm sinh	1970	
- Quê quán	Đức Chính, Đông Triều, Quảng Ninh	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Số CMND/ Hộ chiếu	100491497 do CA Quảng Ninh cấp ngày 23/01/2014	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	Đức Chính, Đông Triều, Quảng Ninh	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
- Quá trình công tác		
10/1991-01/1995	Xí nghiệp gạch ngói Đông Triều	Công nhân
02/1995-06/1996	Xí nghiệp gạch ngói Đông Triều	Đốc công
07/1996-12/1998	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Đốc công
01/1999-09/1999	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Nhân viên hành chính
10/1999-07/2000	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Nhân viên kế toán
08/2000-07/2002	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Phó phòng tài chính kế toán
08/2002-01/2003	Công ty gốm xây dựng Đông Triều	Trưởng ban tài chính kế toán PX Đông Triều I
02/2003-06/2004	Công ty cổ phần Đông Triều Viglacera	Phó quản đốc phân xưởng Đông Triều I
07/2004-02/2005	Công ty cổ phần Đông Triều Viglacera	Chuyên viên kế toán
03/2005-10/2010	Nhà máy gạch tuynel Đầm Hà- Công ty cổ phần	Trưởng ban tài chính kế toán Nhà máy

	Viglacera Đông Triều	
11/2010-12/2010	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Chuyên viên phòng tổ chức lao động
01/2011-03/2011	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Phó phòng kế hoạch đầu tư
04/2011-08/2011	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Quyền trưởng phòng kế hoạch đầu tư phụ trách nhà máy Đông Triều I
09/2011-12/2011	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Giám đốc nhà máy Đông Triều I
01/2012-04/2012	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Chủ tịch công đoàn
04/2012 đến nay	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có	
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	60.100 cổ phần, chiếm 0,601% vốn điều lệ	
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần	
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Lương Kế toán trưởng	
- Các khoản nợ đối với công ty	Không có	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có	

12. Tài sản

Tình hình tài sản cố định của công ty tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 34. Tình hình tài sản của công ty tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại (GTCL)	%GTCL/ Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	**359.944.424.175**	**189.224.284.516**	**52,57**
Nhà cửa, vật kiến trúc	142.124.755.518	79.483.231.940	55,92
Máy móc, thiết bị	203.588.929.221	99.283.994.716	48,77
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	13.396.376.813	10.195.521.530	76,11
Thiết bị, dụng cụ, quản lý	834.362.623	261.536.330	31,35
Tài sản cố định thuê tài chính	**2.430.130.909**	**1.620.087.277**	**66,67**
Phương tiện vận tải	2.430.130.909	1.620.087.277	66,67
Tài sản cố định vô hình	**39.000.000**	**11.049.996**	**28,33**
Phần mềm kế toán	39.000.000	11.049.996	28,33
Tổng	**362.413.555.084**	**190.855.421.789**	**52,66**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Viglacera Đông Triều)

Bảng 35. Tình hình tài sản công ty tại thời điểm 30/06/2021

Đơn vị: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/ Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	**359.944.424.175**	**179.654.371.080**	**49,91**
Nhà cửa, vật kiến trúc	142.124.755.518	75.049.122.383	52,81
Máy móc, thiết bị	203.588.929.221	94.786.090.515	46,56
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	13.396.376.813	9.587.657.997	71,57
Thiết bị, dụng cụ, quản lý	834.362.623	231.500.185	27,75
Tài sản cố định thuê tài chính	**2.430.130.909**	**1.417.576.368**	**58,33**
Phương tiện vận tải	2.430.130.909	1.417.576.368	58,33
Tài sản cố định vô hình	**39.000.000**	**9.099.996**	**23,33**
Phần mềm kế toán	39.000.000	9.099.996	23,33
Tổng	**362.413.555.084**	**181.081.047.444**	**49,97**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Tài sản dở dang dài hạn

Bảng 36. Tài sản dở dang dài hạn

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	86.462.500	-	324.205.685
Tổng	**86.462.500**	**-**	**324.205.685**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các khoản chi cho sửa chữa lớn tài sản cố định.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 37. Một số chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2021 và 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021 (*)		Năm 2022 (**)	
	Giá trị (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2020	Giá trị (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2021
Doanh thu thuần	300.130	(10%)	345.000	15%
Lợi nhuận sau thuế	12.000	(28%)	16.000	33,3%
Vốn điều lệ	100.000	-	100.000	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4%	-	4,6%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	12%	-	16%	-
Cổ tức	5%	-	8%	-

Nguồn: Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều

***Ghi chú**: (*) Các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-ĐHĐCĐ.DTC ngày 31/03/2021.*

(**) Các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2022 được Hội đồng Quản trị xây dựng dựa trên tốc độ tăng trưởng doanh thu dự kiến là 15%.

Kế hoạch đầu tư, dự án dã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Bảng 38. Kế hoạch đầu tư năm 2021

STT	Dự án/hạng mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	KH năm 2021 (Triệu đồng)
I	Nhà máy Đông Triều 1			4.050

1	Đầu tư hệ đùn phôi số 2 (cho các máy ép ngói 11PV)	Hệ	1	1.800
2	Xây dựng tường rào bao quanh nhà máy	m	500	450
3	Sân Bê tông thành phẩm (Diện tích 200m^2) bê tông M250 dày 20cm	m^2	2.000	800
4	Hệ thống xử lý nước thải công suất 30m^3/ngày	Hệ	1	600
5	Xây dựng nhà vệ sinh sản xuất	m^2	70	400
Tổng				**4.050**

Nguồn: Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đã đặt ra

Đứng trước các thuận lợi và khó khăn do khách quan và chủ quan đem lại, Ban lãnh đạo Công ty đã có bước điều chỉnh kế hoạch tài chính và lợi nhuận một cách thận trọng nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra và phát triển ổn định. Với kỳ vọng năm 2021, đại dịch Covid-19 được kiểm soát, kinh tế Việt Nam nói riêng và kinh tế thế giới nói chung dần phục hồi sẽ tạo điều kiện tốt cho Công ty thực hiện các chiến lược, kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Một số cơ sở để xây dựng kế hoạch của Công ty là:

- Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận đều qua các năm của Công ty.
- Chủ trương của Công ty đầu tư, nâng cấp Nhà máy Đông Triều 1, đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn sản xuất mới. Đồng thời, điều này cũng giúp nâng cao năng lực sản xuất và năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần đảm bảo kế hoạch doanh thu.
- Các dự án nghiên cứu nguyên liệu, quy trình, sản phẩm mới cũng sẽ góp phần làm giảm chi phí, tăng hiệu suất, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường đào tạo, nâng cao tay nghề, trình độ lao động thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và hợp tác với các đơn vị khác.

Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 so với kế hoạch năm 2021

Bảng 39. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 so với kế hoạch 2021

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021		
	Giá trị (triệu đồng)	% so với cùng kỳ năm 2020	% so với kế hoạch năm 2021
Doanh thu thuần	132.257	75,9%	44,07%
Lợi nhuận sau thuế	1.482	16,7%	12,35%

(Nguồn: BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được

soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều)

Công ty đã dự báo trước được ảnh hưởng của dịch Covid nên chủ động đặt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận cả năm 2021 thấp hơn so với thực hiện năm 2020. Bên cạnh đó do dịch bệnh tại thị xã Đông Triều và tỉnh Quảng Ninh về cơ bản đã được kiểm soát nên hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm của công ty đã trở lại bình thường. Trong bối cảnh thị trường vật liệu xây dựng và bất động sản trong những tháng cuối năm 2021 có dấu hiệu hồi phục, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm những tháng gần đây đã ổn định trở lại, Công ty tin tưởng sẽ hoàn thành được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã đặt ra do Công ty đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long. Trường hợp thị trường chung tiếp tục bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid 19 hoặc một số nguyên nhân khác khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn, Công ty phấn đấu đạt tối thiểu 80% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã đặt ra.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của Tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt đông kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều là doanh nghiệp có vị thế hoạt động trong ngành với trên 50 năm kinh nghiệm sản xuất, có đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ và tay nghề cao và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành trong những năm sắp tới, chúng tôi cho rằng kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT không sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Mã chứng khoán: DTC

4. Tổng số chứng khoán niêm yết:

Số lượng chứng khoán đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán: "*Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*"

Danh sách các cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phiếu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo bao gồm:

Bảng 40. Danh sách hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ tên	Chức vụ (đối với CĐNB)	Họ tên CĐNB (Đối với cổ đông lớn là người có liên quan đến CĐNB)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	
						Trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong 06 tháng tiếp theo
1	Trần Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT		450.000	4,5%	450.000	225.000

2	Trần Duy Hưng	Thành viên HĐQT		30.000	0,3%	30.000	15.000
3	Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT		156.000	1,56%	156.000	78.000
4	Vương Văn Sáng	Phó Giám đốc		10.000	0,1%	10.000	5.000
5	Nguyễn Đức Sơn	Phó Giám đốc		20.800	0,21%	20.800	10.400
6	Phạm Phùng Dương	Trưởng Ban kiểm soát		60.000	0,6%	60.000	30.000
7	Bùi Thị Thanh Nga	Thành viên Ban kiểm soát		10.000	0,1%	10.000	5.000
8	Hoàng Thị Xuân Hương	Thành viên Ban kiểm soát		38.800	0,39%	38.800	19.400
9	Dương Đức Vĩ	Kế toán trưởng		60.100	0,6%	60.100	30.050
10	Vũ Đức Tỵ		Trần Thành - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Mối quan hệ: Bố vợ ông Thành)	515.040	5,15%	515.040	257.520
11	Đào Bá Dong		Trần Hồng Quang - Chủ tịch HĐQT (Mối quan hệ: Bố vợ ông Quang)	899.402	8,99%	899.402	449.701
12	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Cổ đông lớn là người có liên quan của người nội bộ	**Các đại diện sở hữu:**	**4.000.000**	**40%**	**4.000.000**	**2.000.000**
			Trần Hồng Quang - Chủ tịch HĐQT	*2.000.000*	*20%*		
			Trần Duy Hưng – Thành viên HĐQT	*1.000.000*	*10%*		
			Ngô Thanh Tùng – Thành viên HĐQT	*1.000.000*	*10%*		
Tổng cộng				**6.250.142**	**62,5%**	**6.250.142**	**3.125.071**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 21/07/2021 do VSD cung cấp

6. Phương pháp tính giá

6.1. Giá trị sổ sách cổ phiếu

Bảng 41. Giá trị sổ sách cổ phiếu qua các năm

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020	Ngày 30/06/2021
Giá trị sổ sách cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	9.015	10.691	10.804

6.2. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến trong phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu DTC trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính bằng bình quân có trọng số của các phương pháp sau:

- Phương pháp xác định giá trị sổ sách (**gọi tắt là phương pháp P/B**);
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu / lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu P/E (**gọi tắt là phương pháp P/E**).
- Giá đóng cửa bình quân trong vòng tối thiểu 10 phiên gần nhất trên sàn UPCoM.

Trong đó:

Phương pháp P/B: Phương pháp này dựa trên các số liệu Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Công thức tính giá cổ phiếu theo phương pháp BV

$$P = BV \times P/BV$$

Trong đó:

P: Là giá cổ phiếu của Công ty được định giá

BV: là giá trị sổ sách của cổ phiếu. Giá trị sổ sách của cổ phiếu được xác định bởi công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

P/BV: Là hệ số giá/giá trị sổ sách trung bình của nhóm các công ty cùng ngành đang niêm yết trên các Sở giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM.

Phương pháp P/E: Phương pháp này dựa trên giá trị lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu của Công ty và hệ số giá trên lợi nhuận của mỗi cổ phiếu (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM.

$$P = EPS \times P/Ebq$$

Trong đó:

P: Là giá cổ phiếu của Công ty được định giá

EPS: Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu của Công ty trên các số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

P/Ebq: Là hệ số giá/lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu trung bình của nhóm các công ty cùng ngành

đang niêm yết trên các Sở giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM). Tùy thuộc vào thời điểm được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký niêm yết, Công ty sẽ có công văn đăng ký giá tham chiếu gửi Sở Giao dịch Chứng khoán xem xét và chấp thuận.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Khoản 1, Điều 139 Thông tư số 155/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Điều 11 Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;
- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;
- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;
- Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp trên thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;
- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm trên thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty.

Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tối đa là 0%.

8. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế xuất – nhập khẩu

– Các loại thuế khác

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Hiện tại mức thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng với Công ty là 20%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84) 24 3824 1990 Fax: (84) 24 3825 3973

Website: aasc.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Q. Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 028 6291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 3, 4 Toà nhà Tràng Tiền, số 130 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 0236 3553 888

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết
   - Báo cáo tài chính 2019, 2020 đã kiểm toán của CTCP Viglacera Đông Triều
   - Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét của CTCP Viglacera Đông Triều
5. Các phụ lục khác

VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**GIÁM ĐỐC**
TRẦN HỒNG QUANG	**TRẦN THÀNH**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
PHẠM PHÙNG DƯƠNG	**DƯƠNG ĐỨC VĨ**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

NGUYỄN THỊ HẠNH